

Diễn Đàn Tự Do (1990)

1. Lời Ban Biên Tập Diễn Đàn Tự Do (9/1990)
2. Irak: Thử Thách Đầu Tiên (9/1990)
3. Đối Sách Của Đảng Cộng Sản Trước Tình Thế Hiện Nay (8/1990)
4. Việt Nam Sau Đông Âu (Cuối Năm 1990)
5. Việt Nam Sau Tháng Năm (7/90)
6. Thêm Một Bước Tiến Vững Chắc Tới Hoà Bình Ổn Định Ở Đông Dương (7/1990)
7. Chuyên Chính Vô Sản Và Năm Thành Phần Kinh Tế (5/1990)

Lời Ban Biên Tập Diễn Đàn Tự Do

Trong năm 1989, năm cuối cùng của thập niên 80, chúng ta đã chứng kiến những biến động dồn dập trên toàn thế giới. Thế giới lưỡng cực Yalta cũ đã thật sự chấm dứt bằng Hội Nghị Malta đầu tháng 6 năm 1989. Tại hội nghị này cả hai lãnh tụ siêu cường Nga-Mỹ đều cùng nhau tuyên bố chính thức chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh. Ngày 10/7 vừa qua, tại hội nghị thượng đỉnh G7, Tổng Thống Bush đã long trọng tuyên bố “Một thế giới mới đã ra đời”. Trong bối cảnh của một thế giới mới đó, sự tan rã của khối cộng sản quốc tế là điều tất nhiên phải xảy ra.

Riêng tại Việt Nam, sau khi khối Đông Âu và Liên Xô đã chuyển hẳn sang một hình thể chính trị mới vào cuối năm 1989 và đầu năm 1990, một cơ hội mới đã mở ra cho đất nước chúng ta: cơ hội vận động cho tự do dân chủ. Những người Việt yêu nước, yêu tự do dân chủ khắp nơi trong nước cũng như hải ngoại đã nhanh chóng tập hợp lại. Một mục tiêu chung đã dần dần được xác lập: vận động cho sự ra đời một xã hội Việt Nam tự do và tiến bộ, trong đó nhân quyền và dân quyền được thực sự tôn trọng và trong đó người dân thật sự quyết định vận mệnh quốc gia bằng những lá phiếu tự do dân chủ của mình.

Thực ra người dân Việt thâm lặng đã không ngừng vận động cho một xã hội tự do như thế ngay sau khi thất vọng trước những thất bại của chế độ cộng sản, nghĩa là ngay từ đầu thập niên 80. Họ chưa thể thực hiện được cuộc vận động chính trị công khai, rộng lớn và quyết liệt nhưng họ đã thâm lặng tiến hành hai cuộc vận động trên hai lãnh vực kinh tế thương mại và thông tin văn hóa. Vì cuộc sống của chính mình, người dân Việt thâm lặng trong suốt thập niên qua đã sáng tạo nhiều phương thức làm ăn kinh doanh phi chính phủ, độc đáo và bất cần luật pháp. Họ đã âm thầm nhưng bền bỉ vượt qua mọi chính sách và biện pháp kinh tế độc đoán cùng quẫn và sai lầm của chế độ, để cuối cùng đã khiến chính quyền cộng sản phải công nhận và hợp thức hóa những phương thức làm ăn có hiệu quả của người dân. Không khí làm ăn tương đối cởi mở hơn hiện nay chính là thành quả của cuộc vận động thâm lặng đó trên mặt trận kinh doanh sản xuất. Mặt khác, cũng bằng phương cách luôn lách, “du kích”, lợi dụng sơ hở trong cán bộ và cơ cấu quản lý, người dân thâm lặng đã tự động du nhập, lưu hành và phổ biến các sản phẩm văn hóa, văn học tự do của thế giới bên ngoài vào khắp nơi trong nước, dưới đủ hình dạng, từ phim ảnh tới băng nhựa, video và sách báo, vừa đánh bật nền văn học nghệ

thuật “nghèo nàn giáo điều” của chế độ, vừa tác động lên chính sự chuyển hướng của nền văn học đó.

Rút kinh nghiệm của phương thức vận động thâm lặng nhưng đầy hiệu quả đó của giới bình dân, chúng ta đã thực hiện cuộc vận động chính trị hiện nay bằng phương thức ”du kích chiến thông tin chính trị”. Chúng ta đã vận dụng mọi cơ hội do tình thế mang lại, cũng như khai thác mọi sơ hở trong quản lý xã hội của chế độ để xuất phát những đợt truyền thông và tác động chính trị bất ngờ rồi rút lui nhanh chóng vào cuộc sống thâm lặng hàng ngày của những công dân bình thường. *Diễn Đàn Tự Do* được ra đời từ tháng 1 năm 1990 bằng những phương thức như thế. Nó đã xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như là một vũ khí tinh thần cho cuộc vận động truyền thông chính trị du kích chiến mới này. Nó đã len lỏi qua màn lưới an ninh của chế độ, phá vỡ thế độc quyền truyền thông chính trị của chế độ, và dần dần đã bí mật tới tay các cá nhân, thành phần và đoàn thể tôn giáo, xã hội, chính trị khác nhau trong nước và hải ngoại. Nó đã và đang trở thành diễn đàn chung cho cuộc vận động chính trị hiện nay.

Gần đây nhiều nơi đã yêu cầu tòa soạn cung cấp những ấn bản cũ của *Diễn Đàn Tự Do*. Để đáp ứng yêu cầu đó chúng tôi đã tuyển chọn lại một số bài viết trong *Diễn Đàn Tự Do* từ số đầu tiên (1/90) đến nay (8/90) và ấn hành thành hai tuyển tập: Tuyển Tập I gồm các bài về thời sự, và Tuyển Tập II gồm các bài về lý luận.

Chúng tôi hy vọng rằng hai tuyển tập này sẽ đáp ứng nhu cầu đấu tranh chung của các nơi. Chúng tôi cũng mong tiếp tục nhận được mọi sự đóng góp ý kiến và bài vở của các bạn để cho cuộc vận động của chúng ta sớm thành công.

Ban Biên Tập DĐTD

9/1990

Irak

Thử Thách Đầu Tiên

Tháng 12/1989 hai nhà lãnh đạo LX và HK gặp nhau tại đảo Malta để cùng nhau chấm dứt thế giới Yalta lưỡng cực đối kháng. Tháng 6-90 hai ông lại gặp nhau tại Washington, DC, để chính thức chấm dứt chiến tranh lạnh. Ngày 10/7 vừa qua TT Bush đã long trọng tuyên bố tại hội nghị nhóm G7 rằng: “Một thế giới mới đã mở ra”. Chưa đầy một tháng sau đó vào đêm 1 rạng ngày 2 tháng 8 quân đội Irak tràn qua xâm chiếm Koweit và ngay sau đó ông Saddam Hussein, lãnh tụ Irak, tuyên bố sát nhập Koweit vào Irak. Đây là một thách thức nghiêm trọng đầu tiên cho hai ông Gorbachev và Bush ngay sau khi hai ông cam kết cùng nhau hợp tác để ổn định thế giới.

Thực ra Irak vẫn nuôi ý định sát nhập Koweit từ lâu, ngay từ sau năm 1932 là năm Irak được độc lập. Kể từ đó tới nay, Irak vẫn luôn luôn tuyên bố Koweit là một bộ phận của Irak đã bị Tây phương, cụ thể là Anh, xâm chiếm và cắt đứt ra khỏi Irak. Mới đây bà Thatcher đã cực lực bác bỏ luận cứ này của Irak. Sau nhiều cố gắng hoà bình không thành công vào các thập niên 1930 và 1950, năm 1961, lãnh tụ Irak lúc đó là tướng Abdel-Karim Kassem đã dàn quân tới vùng biên giới Koweit để chuẩn bị xâm chiếm Koweit, một quốc gia có hơn 1 triệu dân nhưng nhiều dầu mỏ nhất thế giới. Quân đội Anh đã nhanh chóng đổ bộ lên Koweit, đồng thời nhiều quốc gia Ả Rập đã lên tiếng phản đối Irak. Tướng Kassem sau đó đã bị lật đổ. Koweit được yên cho tới năm 1973 thì một lần nữa Irak lại chuẩn bị tấn công Koweit. Nhưng cuộc chiến giữa Israel và các nước Ả Rập đã cứu nguy cho Koweit. Và suốt thập niên 1980 cuộc chiến tranh Iran-Irak đã giúp Koweit được yên ổn và nhờ đó phát triển kinh tế mau lẹ. Cuộc chiến 8 năm với Iran đã làm Irak kiệt quệ với lợi tức đầu người có 1.800 đô la so với 10.000 đô la của Koweit. Irak cũng đã phải vay của Koweit khoảng 17 tỷ đô la. Hơn nữa Irak lại lo sợ trước viễn ảnh ra đời của một thế giới mới trong đó siêu cường Nga-Mỹ hợp tác để ổn định thế giới, trong đó Trung Đông chắc chắn phải là mục tiêu hàng đầu. Irak cũng có nguy cơ mất đi đồng minh Liên Xô vẫn luôn luôn đứng về phe mình trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Hầu hết vũ khí tối tân của Irak hiện nay là do Liên Xô cung cấp; hiện Liên Xô có hơn 180 cố vấn quân sự tại Irak. Giấc mơ sát nhập Koweit sẽ không bao giờ thực hiện được nữa nếu vùng Trung Đông đi vào ổn định. Cho nên ngay sau khi thấy rõ một thế giới mới đã thật sự ra đời và hai siêu cường đã thật sự hòa hợp với nhau Irak đã nhanh chóng và bất ngờ ra tay, hy vọng đặt hai siêu cường và toàn thế giới trước một sự đã rồi.

Và trở trêu thay, lãnh tụ Irak hiện nay, tướng Saddam Hussein, lại đang thực hiện được giấc mơ không thành của tướng Kassem, người mà ông ta đã ám sát hụt cách đây 30 năm.

Cuộc khủng hoảng Irak hiện nay như thế là một biến cố nghiêm trọng đầu tiên xảy ra ngay sau khi hai siêu cường đã thỏa thuận cùng nhau ổn định thế giới. Ông Saddam Hussein vừa thách thức cả hai ông Gorbachev và Bush vừa làm cho hai siêu cường và thế giới phải chú ý tới một số vấn đề còn chưa giải quyết khi thế giới mới Malta đã ra đời. Đó là vấn đề vị trí các nước nhỏ nói chung và của khối Hồi giáo nói riêng trong thế giới mới đang mở ra. Cái trật tự thế giới mới mà hai siêu cường cùng các cường quốc thuộc nhóm G7 đang cố gắng thiết lập phải chăng vẫn chỉ là cái mô hình thống trị-bị trị cũ dưới một lớp sơn hào nhoáng tinh vi hơn? Cuộc chiến tranh lạnh dù sao cũng cho các nước nhỏ yếu một chỗ đứng giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản, và nếu khéo vận dụng, có nhiều cơ may để phát triển. Nay trong một thế giới Malta mới, khi tất cả các nước lớn đứng về một phía thì vị trí các nước nhỏ sẽ ra sao? Nhân danh trật tự thế giới mới các nước lớn sẽ dễ dàng can thiệp vào bất cứ một nước nhỏ “ngang bướng” nào. Thế giới phải chăng vẫn là thế giới của Âu-Mỹ? LHQ vẫn chưa thay đổi để phản ánh thực tế thế giới hiện nay với hơn 100 nước nhỏ là hội viên. Vẫn còn 5 nước thường trực có quyền phủ quyết mọi quyết định quan trọng của thế giới. Nếu 5 nước lớn này nhất trí với nhau để đối phó với một nước nhỏ “khó bảo” nào thì thân phận nước này sẽ ra sao? Một thế giới mới đã ra đời nhưng đó là thế giới của ai? Của các siêu cường và các cường quốc Tây phương chăng? Những câu hỏi ấy nổi bật lên trong vụ Irak hiện nay cũng như trong mọi vấn đề ổn định khác.

Thực trạng thế giới như thế đòi hỏi những thay đổi cơ bản hơn nữa trước khi một thế giới thật sự hòa bình và ổn định ra đời được. Liên Hiệp Quốc và các cơ chế quốc tế hiện nay chưa thực sự đại diện được quyền lợi của tất cả các dân tộc. Nó vẫn còn là LHQ của Tây phương, của hai siêu cường Nga-Mỹ. Một thế giới hòa bình và ổn định chỉ thật sự xuất hiện khi giải quyết thỏa đáng, một cách hợp lý hợp tình (tình người, nhân bản), tương quan giữa các nước lớn và các nước nhỏ, giữa các nước giàu và các nước nghèo.

Hợp lý và nhân bản có nghĩa là triệt tiêu mọi mầm mống của tương quan thống trị-bị trị, của thực dân đế quốc trá hình dù tinh vi đến đâu. Hợp lý và nhân bản có nghĩa là thực hiện được nguyên tắc nhân bản của đời sống quốc tế và quan hệ quốc tế là “cùng sống và giúp tiến” giữa các nước giàu và các nước nghèo, nước lớn và nước nhỏ. Hợp lý và nhân bản cũng có nghĩa là triệt tiêu mọi mặc cảm “nhược tiểu quốc”, mọi thứ chủ nghĩa giáo điều lạc hậu (từ chủ nghĩa yêu nước cực đoan tới các tư tưởng phân biệt chủng tộc, tôn giáo và cuồng tín ý thức hệ). Những điều đó cần phải bị triệt tiêu tận cội gốc vì đó chính là những nhân tố chủ yếu của tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, dốt nát và

độc đoán tại hầu hết các nước nhỏ. Tiến trình giải quyết một cách hợp lý và nhân bản các vấn đề nêu trên cho cả hai nhóm nước giàu và nước nghèo sẽ dần dần tạo ra một không khí tinh thần, một bầu khí văn hóa mới mang tính nhân bản làm nền tảng vững chắc cho sự xuất hiện những định chế quốc tế hợp lý và nhân bản thực sự đại diện cho quyền lợi toàn nhân loại. Lúc đó một cộng đồng nhân loại mới thực sự ra đời, trong đó mỗi dân tộc đều được cùng sống và cùng chung hưởng văn minh tiên bộ của nhân loại.

Nói thế không có nghĩa là chúng ta ủng hộ ông Saddam Hussein. Không ai có thể ủng hộ được một hành vi xâm lăng bất cứ vì lý do nào. Tuy nhiên vụ Irak làm tỏ lộ ra những vấn đề còn phải được giải quyết trước khi nhân loại bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nhân đạo ổn định. Ai cũng mong muốn thế giới được hòa bình và ổn định. Nhưng vấn đề ở đây là làm thế nào để có được hòa bình ổn định thật sự lâu bền cho tất cả mọi dân tộc. Liệu có thể có hòa bình ổn định bền vững được không khi chúng ta vẫn luôn cần đến cả 100 ngàn quân Mỹ trang bị tối tân nhất? Khi mà nguy cơ vũ khí hạt nhân và vũ khí hóa học cùng các loại vũ khí tối tân khác không nằm tại các nước lớn mà ngay tại một vài nước nhỏ mới phát triển lại rất cuồng tín như Iran, Irak, Hồi quốc? Tất nhiên thế giới lúc nào cũng cần một lực lượng cảnh vệ nhưng lực lượng đó hiện nay chưa có, Mỹ hiện nay là nước duy nhất có khả năng này. Tạm thời thì có thể chấp nhận được nhưng đương nhiên không thể là một định chế hợp pháp của quốc tế được vì rất dễ bị lạm dụng cho quyền lợi riêng tư của Mỹ. (Gần đây Mỹ đề nghị chuyển hướng mục tiêu của tổ chức COCOM sang các nước nhỏ. Tổ chức này cho tới nay chỉ có mục tiêu ngăn chặn bán các kỹ thuật cao và có tính quân sự sang các nước cộng sản).

Cho nên vụ Irak có ý nghĩa quan trọng vì nó làm lộ ra một nhu cầu thiết lập những cơ chế và biện pháp duy trì hòa bình thế giới một cách hợp lý và nhân bản. Thế giới sau Malta, và trong vụ Irak, hẳn phải tập trung tìm cho ra những cơ chế và biện pháp này. Vai trò của các nước Hồi giáo vùng Trung Đông trở nên quan trọng đồng thời với vai trò nổi bật của LHQ. Cũng trong chiều hướng này, tại cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên sau vụ Irak vào ngày 9/9 vừa qua tại Helsinki, hai siêu cường Nga-Mỹ đã ngầm phân công nhau: Mỹ sẽ dùng áp lực quân sự trong khuôn khổ các nghị quyết của Hội Đồng Bảo An LHQ, còn Nga sẽ cố gắng mở các cánh cửa thương thuyết. Vị thế sẵn có của Nga tại Irak sẽ được duy trì (dù Nga sẽ rút dần cố vấn quân sự về) và đó sẽ là cánh cửa hòa bình đầu tiên.

Nhưng Irak chỉ là một bộ phận của Trung Đông mà vùng Trung Đông là vùng nóng bỏng suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Ngày nay trong không khí hậu Malta, Liên Xô không còn khai thác những mâu thuẫn tại vùng này để phá Mỹ và Tây phương nữa. Nhưng những vấn đề nghiêm trọng tại vùng này phải

được giải quyết thỏa đáng trước khi thật sự có ổn định. Đó là vấn đề tranh chấp giữa Israel và một số nước Ả Rập, đặc biệt là với dân tộc Palestine chưa có tổ quốc; vấn đề tranh chấp trong nội bộ khối Hồi giáo (giữa phe cấp tiến và phe bảo thủ chính thống Hồi giáo); và vấn đề xung khắc giữa một số nước Hồi giáo chính thống với Tây phương. Ổn định được vùng này sẽ góp phần to lớn vào việc ổn định thế giới. Hai siêu cường và các cường quốc Tây phương hẳn phải tập trung giải quyết vấn đề Irak nói riêng và vấn đề Trung Đông nói chung. Nói cách khác, vụ Irak chỉ có thể giải quyết được trong một giải pháp toàn bộ cho vùng Trung Đông. Vụ Irak như thế chỉ là một dịp để giải quyết những vấn đề căn bản của cả vùng Trung Đông. Đó chính là lý do đằng sau đề nghị của Liên Xô về việc triệu tập một hội nghị quốc tế về Trung Đông.

Trước khi kết thúc chúng ta cũng nên nói qua về ảnh hưởng của vụ Irak đối với tình hình chính trị Việt Nam, và thái độ cùng lập trường của chính quyền cộng sản đối với vụ này. Chúng ta đều biết hiện nay có khoảng 17 ngàn lao động Việt Nam tại Irak. Irak vốn vẫn là nước thân thiện với CSVN. Trước đây đã có nhiều tin tức về việc Irak đối xử tồi tệ với lao động làm thuê của Việt Nam do chính quyền hiện nay gửi sang. Chính quyền Việt Nam không hề lên tiếng phản đối gì. Nay xảy ra vụ phong tỏa Irak chính quyền cũng chưa có hành động tích cực nào, mới chỉ gửi một đại diện sang để tìm hiểu và thảo luận với Irak. Trong khi đó những nước có kiều dân và lao động tại Irak đều tích cực và nhanh chóng can thiệp cho con dân của họ, ngay cả những nước như Ấn Độ, Bangladesh. Chính quyền CSVN cũng không hề lên tiếng phản đối Irak khi nước này xâm chiếm và sát nhập Koweit. Thái độ và lập trường thân thiện đó của CSVN bất cần đến sinh mạng của người dân lao động của Việt Nam lại một lần nữa làm cho bất cứ người Việt có lương tri nào cũng phải cảm thấy bất bình và hổ thẹn. Nó một lần nữa cho thấy sự thiếu cần trong thế giới quan của các nhà lãnh đạo CSVN hiện nay. Đồng thời chúng ta cũng cần cảnh giác trước âm mưu của CSVN muốn nhân vụ Irak đánh lạc hướng chú ý của quốc dân và quốc tế tới tình hình tồi tệ tại Việt Nam.

Tuy nhiên vấn đề Việt Nam là của nhân dân Việt Nam, của chính đảng CSVN và của tất cả người Việt quan tâm, không phải là vấn đề của thế giới, càng không phải là vấn đề của Mỹ. Mỹ không phải vội vàng gì trong việc mở cánh cửa thân thiện với CSVN. Thời gian không còn ở trong tay đảng CSVN nữa. Nếu đảng CSVN không nhanh chóng tìm đường thoát cho dân tộc thì chỉ có nhân dân Việt Nam bị đau khổ, đất nước Việt Nam thêm chậm tiến và đảng CSVN thêm suy thoái trầm trọng hơn. Không có vụ Irak hay bất cứ vụ khủng hoảng quốc tế nào có thể mua thêm thời gian và cứu đảng CSVN trong một thế giới đã đổi mới. Và cũng không có ai, không có cường quốc nào có thể cứu được tương lai Việt Nam ngoài chính nhân dân Việt Nam, chính

những người Việt quan tâm tới vận mệnh đất nước trong đó có những người cộng sản Việt Nam.

Về phần chúng ta, chúng ta cần tích cực và nhanh chóng đột phá tình hình hiện nay để mở đường thoát cho đất nước, cho dân tộc, trước khi cái thế giới mới đang ra đời sẽ đào thải và đẩy lùi đất nước ta vào quá khứ của lịch sử nhân loại. Phải chăng đó là bài học đáng ghi nhớ nhất đối với chúng ta trong vụ khủng hoảng hiện nay?

Việt Luận

9/90

(Theo bản chụp photo copy nguyên bản đánh máy được gửi ra từ trong nước)

Đổi Sách Của Cộng Sản Việt Nam Trước Tình Thế Hiện Nay

Phong trào cách mạng tự do dân chủ ở Đông Âu năm 1990 đã giải phóng cho nhiều dân tộc. Hồng Quân Liên Xô không còn can thiệp nữa. Nhiều đảng cộng sản bị thiểu số trong các cuộc bầu cử thật sự dân chủ: những chính quyền do dân bầu đã thay thế họ. Đối với thế giới, phong trào ấy biểu thị tiến bộ của lịch sử, còn đối với các đảng cộng sản đang cầm quyền ở Châu Á thì đó là một tín hiệu báo động khẩn cấp. Cho đến nay, ngoại trừ Mông Cổ đã chấp nhận chế độ bầu cử thật sự tự do, các đảng cộng sản khác vẫn cố bám lấy nguyên tắc của thời kỳ đệ tam quốc tế: quyền lực trên hết. Cộng sản Trung Hoa, sau “chiến công” ở Thiên An Môn năm ngoái, đã hãnh diện tuyên bố rằng tại Trung Hoa đang có 8 tổ chức chính trị tự do hoạt động “*dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản*”. Ở Bắc Hàn người ta không cần phải giải thích điều gì bởi lẽ dân chúng hoàn toàn không hay biết gì về tình hình thế giới. Chẳng hạn họ vẫn tưởng rằng chiến tranh Việt Nam vẫn đang tiếp diễn! Còn Cộng sản Lào và Căm-pu-chia thì đang nhìn đảng Cộng sản Việt Nam để học tập chiến lược và chiến thuật đối phó với tình thế mới.

Với kinh nghiệm thực dụng phong phú Cộng sản Việt Nam nhanh chóng nhận diện được các vấn đề chính trị mới đang nổi lên, và lập tức phát động một chiến dịch toàn diện để ngăn chặn mọi hậu quả. Chiến dịch ấy bao gồm nhiều mặt xích móc nối khít khao từ đối nội đến đối ngoại, từ kinh tế tới văn hóa và chính trị.

Về Mặt Đối Ngoại

Tới nay ai cũng thấy rõ rằng Liên Xô không còn có thể là chỗ dựa vững chắc cho Cộng sản Việt Nam được nữa, và đảng Cộng sản Liên Xô từ nay không còn có thể được viện dẫn như là kiểu mẫu cộng sản nữa. Cộng sản Việt Nam do đó đang phải tìm một đường lối đối ngoại mới. Trước hết, họ phải quay lại hòa hoãn với Cộng sản Trung Hoa hy vọng tìm ra được một tương đồng nào đó về lý luận chính trị. Trên mặt báo, cuộc chiến biên giới Việt-Hoa năm 1979 được tạm quên, cuộc chiến Campuchia được trút trách nhiệm về phía Mỹ. Cộng sản Việt Nam không còn nhắc đến hai mảnh đất Hoàng Sa và Trường Sa đã bị bản đồ Trung Hoa nuốt gọn với tên Tây Sa và Nam Sa, cũng như cô tình lờ đi vụ Trung quốc đàn áp Thiên An Môn và chiến dịch đàn áp sau đó. Mấy năm nay, vào dịp tiết thanh minh, cán bộ nhà nước Việt Nam và Trung Hoa đều cùng nhau đi thăm những lính Trung Quốc chết trận trước đây

ở miền Bắc và cả Bình Trị Thiên. Thái độ của Nhà nước đối với Hoàng văn Hoan cũng đang hòa dịu lại.

Cộng sản Việt Nam phải quay lại hòa hoãn với Trung quốc cũng còn là vì Liên Xô và Trung quốc nay đã hòa hoãn lại với nhau, đồng thời Liên Xô cũng đã thay đổi thế giới quan của họ, không còn gồng mình nuôi dưỡng một “bầy đàn em” như trước nữa. Trong hoàn cảnh đó, Cộng sản Việt Nam đang phải điều chỉnh chính sách đối ngoại, vừa hòa hoãn với Trung quốc vừa tìm cách nhích lại với Mỹ. Họ đang cố gắng tìm một thể đi đêm mới giữa Nga-Mỹ-Tàu. Nhưng họ cũng thấy rõ rằng “thế tam quốc” đó đã sụp đổ, rằng một thế giới mới đã ra đời, trong đó vấn đề “tranh bá đồ vương” giữa các cường quốc, nhất là giữa hai siêu cường Nga-Mỹ, không còn là chiến lược chính yếu nữa. Ngược lại, cạnh tranh hoà bình để phát triển mỗi nước và để ổn định toàn thế giới đang là mục tiêu chiến lược chung của tất cả các cường quốc. Trong thế chiến lược mới đó Liên Xô đang bận tâm thu xếp lại việc nhà nên không thể tiếp tục giúp Cộng sản Việt Nam như trước được nữa. Trung quốc cũng đang có những vấn đề lớn lao chưa giải quyết được. Do đó, dù có cố hòa hoãn với Trung quốc, Cộng sản Việt Nam cũng thấy rõ không còn trông mong gì nhiều vào hai nước cộng sản lớn này được nữa. Họ còn trông vào đâu nếu không phải là vào Mỹ và các nước phát triển khác? Do đó, Cộng sản Việt Nam điều chỉnh chính sách đối ngoại chính là để có thể sớm mở được sinh lộ mới này. Việc này liên quan trước hết đến thiện chí giải quyết nhanh chóng vấn đề Căm bốt theo hướng thuận lợi cho việc mở được sinh lộ ấy. Việc bắt đầu tiếp xúc chính thức giữa Mỹ và Cộng sản Việt Nam tại Nữ Ước ngày 6/8/1990 vừa qua chắc chắn sẽ sớm dẫn đến một giải pháp cho vấn đề Cam bốt theo chiều hướng này. Nhưng đó mới chỉ là thiện chí bước đầu của Việt Nam. Quan trọng hơn cho việc mở được sinh lộ mới vẫn là những thay đổi trong chính sách đối nội.

Về Mặt Đối Nội

Cộng sản biết rất rõ ảnh hưởng nguy hại của biến động ở Đông Âu và Liên Xô đối với tình hình Việt Nam. Họ cũng thấy rõ rằng nếu để xảy ra những vụ thảm sát như ở Rumania và Trung quốc thì họ sẽ mất hết những gì còn lại cả trên chính trường lẫn trong lòng người dân Việt Nam. Do đó, họ thấy chỉ còn một con đường là “đổi mới” nhưng phải đổi mới thế nào để họ vẫn tồn tại, nếu không thể còn như một thế lực chính trị duy nhất (cho tới nay họ vẫn giữ đổi mới theo hướng này) thì chí ít, cũng như là một lực lượng chính trị mạnh nhất, vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối trên những tổ chức chính trị khác mà họ sẽ phải cho phép xuất hiện. Những ý đồ chiến lược này đã được bộc lộ trong những bài diễn văn gần đây của Nguyễn Văn Linh cũng như trong tuyên bố của Ban Chấp Hành Trung Ương đảng CSVN đưa ra sau Hội nghị Trung ương 8, khóa 6, vừa qua. Chúng cũng được thể hiện thành những

biện pháp “trấn áp” mới đối với những người cộng sản cấp tiến lẫn những thành phần chống đối không cộng sản lộ ra quá sớm ý đồ thách thức độc quyền cộng sản Việt Nam. Ban lãnh đạo CSVN hiện nay vẫn muốn độc quyền “đổi mới” chính trị để độc quyền đi với Mỹ. Bất cứ ai muốn thách thức độc quyền này của họ phải bị “ngăn chặn”. Thực chất những biện pháp mạnh vừa được thực thi chỉ có tánh cách “ngăn chặn” hơn là đàn áp. Các biện pháp này được áp dụng rất đúng liều lượng, không thiếu không thừa. Chỉ có những thành phần đã bị “lộ diện” và hoạt động quá “công khai” mới bị tam giữ, hoặc “chỉ định cư trú”. Những thành phần chống đối khác hoặc chưa lộ diện hoặc chỉ mới “có khả năng” chống đối thì vừa được vuốt ve vừa được đe dọa như buổi nói chuyện của Mai Chí Thọ với một số cựu sĩ quan VNCH và với một số tu sĩ Phật giáo, và buổi tiếp xúc riêng tư của Lê Đức Thọ với một số tướng tá và chính trị gia Sài gòn cũ. Tin tức được chính thức đưa ra về các vụ bắt bớ đó có tác dụng vừa đủ để cảnh cáo mọi giới mọi người đồng thời không gây tâm lý bất ổn và rối loạn trong dân chúng. Nếu đài BBC không cố ý đưa tin chi tiết về các sự việc đó thì người dân Việt Nam sẽ không biết rằng một số đồng bào của mình đã mất tự do trong tháng năm và tháng sáu vừa qua.

Cộng sản Việt Nam đồng thời cũng biết họ không thể tiếp tục cai trị trên lưng ngựa mãi được nữa. Cho nên một chiến dịch truyền thông hùng hậu đã được phát động với sự tham gia của hầu hết báo chí trong nước cũng như của nhiều tên tuổi trong giới làm văn, làm báo, nghiên cứu, giảng dạy... Nội dung lập luận đưa ra trong chiến dịch này bao gồm mấy điểm chính:

1. Tái khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin là ngọn đuốc soi đường với 3 luận điểm: đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản và tập trung dân chủ.
2. Dứt khoát bác bỏ chủ trương đa đảng cho rằng chủ trương này do đế quốc giựt dây để phá hoại cộng sản và hậu quả chỉ là rối loạn và tan rã của xã hội, cản trở cuộc phát triển kinh tế.
3. Nếu đặt việc phát triển kinh tế lên hàng đầu thì phải ổn định chính trị mới phát triển kinh tế được.

Ba luận điểm trên đây đều xoay quanh một mục tiêu nhất quán là bênh vực độc quyền chính trị của cộng sản và kéo dài độc quyền đó vô hạn định. Tất cả những bài đã viết trên các báo của nhà nước đều nhằm phục vụ cho mục tiêu chiến lược đó, hoàn toàn không chứa đựng một giá trị lý luận và tư duy nào, bởi vì không đưa ra một lý lẽ khách quan nào rút từ nhận thức mới về một thế giới mới đang ra đời. Người ta vẫn chỉ bám lấy những khẩu hiệu cũ rích đã quá lỗi thời trước tình hình mới như nhân đạo, nhân bản, dân chủ, kinh tế thị trường, là những gì xa lạ với lý luận kinh điển của Mác-Lê.

Học thuyết Mác vẫn còn được dùng làm công cụ tư tưởng cho chế độ độc tài đảng trị tại nhiều nước trên thế giới. Quả thật học thuyết ấy rất phù

hợp với vai trò độc quyền chính trị của cộng sản nhưng thực tế đã chứng tỏ mô hình chính trị do nó đề ra không giúp đất nước phát triển, cũng không chữa trị được những căn bệnh chậm tiến, bất công, tham nhũng, dốt nát, bạo ngược đang lan tràn khắp các nước vẫn còn áp dụng học thuyết này. Chính sách bạo lực bóp nghẹt mọi tiếng nói đối lập đã tạo được bề ngoài ổn định cho các chế độ cộng sản trong một thời gian. Nhưng đến nay trào lưu của thời đại, với cuộc bùng nổ thông tin và truyền thông toàn cầu, đã phơi bày hết những nhược điểm và những mâu thuẫn nội tại gay gắt trong các chế độ cộng sản. Trong trường hợp Việt Nam, cuộc tranh giành quyền lợi trong nội bộ đảng đã làm bộc lộ những mâu thuẫn nội tại ấy, đồng thời là nguồn gốc lớn của các mâu thuẫn lớn về địa phương (vấn đề chia tỉnh), sắc tộc (kinh, thượng). Nên trong chế độ cộng sản không hề ổn định như những lời khoe khoang đó. Đó chỉ là sự ổn định giả tạo, tồn tại nhờ bạo lực và không tạo ra các điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Thực chất đó là tình trạng vô kỷ luật, vô luật pháp. Mỗi tỉnh là một vương quốc, mỗi tỉnh là một lãnh thổ tự trị có nhà giam riêng và sắc thuế riêng (gần đây mới lập Tổng Cục Thuế Vụ trực thuộc Bộ Tài Chánh). Những biên động chính trị, kinh tế và xã hội liên tiếp đẩy người dân đến một đời sống khó khăn hơn nữa. Những cuộc đàn áp bắt bớ có thể giáng xuống bất cứ người dân nào vào bất cứ lúc nào, với bất cứ lý do nào. Khi dân quyền và nhân quyền không được tôn trọng, bằng những định chế văn minh dân chủ thì không thể có ổn định thật sự được.

Các Ý Đồ Sắp Tới

Để xoa dịu niềm thất vọng và bất mãn của dân chúng, một mặt giới lãnh đạo CSVN “nói lỏng” chút ít về kinh tế để dân dễ thở, mặt khác, nhiều tờ báo đã đưa ra vấn đề tìm kiếm mô hình mới nào để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Người ta nói đến mô hình xã hội chủ nghĩa dân chủ nhân đạo nhưng trong thực tế người ta tiếp tục tìm kiếm các cách thức mới để duy trì độc quyền chính trị đồng thời khai thác tối đa những lợi lộc của nền kinh tế thị trường. Trong chiều hướng đó đến nay CSVN đã đưa ra 3 nội dung chính của chủ trương “đổi mới”: (1) đổi mới đảng cộng sản, (2) đổi mới hệ thống chính trị, (3) chuyển từ kinh tế chỉ huy kiểu Mácxit sang nền kinh tế thị trường có kế hoạch.

Về hai nội dung đầu ban lãnh đạo CSVN hiện nay có thể có 4 phương án cải cách chính trị sau đây:

1. Phân thân đảng CS hiện nay thành hai đảng CS, một để nắm quyền, một đối lập để tiếp tục thay nhau cầm quyền.
2. Vẫn có một đảng CS nhưng cho ra đời một số tổ chức chính trị quần chúng do đảng viên CS ngầm chi phối, có tiếng nói tương đối độc lập, và có thể đưa người ra tranh cử vào các cơ quan lập pháp.

3. Mở rộng chính phủ bao gồm một số bộ trưởng không cộng sản, và mở rộng quyền của các cơ quan dân cử.

4. Cho phép một hay hai tổ chức chính trị không cộng sản nhưng ôn hòa được phép hoạt động và có thể chiếm giữ một thiểu số ghế trong Quốc hội.

Trong phương án đối phó trên, phương án 2 và 3 có nhiều khả năng thực thi nhất vì an toàn nhất cho đảng mà vẫn đáp ứng phần nào đòi hỏi mở rộng dân chủ. Hiện nay cải cách chính trị không những là cần thiết mà còn là cấp bách. Đợt ngăn chặn vừa qua chỉ giúp CSVN mua thêm thời gian và giữ vững độc quyền “đổi mới” chứ không giúp giải quyết được bế tắc hiện nay. Trong khi đó thì nền kinh tế ngày một nguy ngập khó thể kéo dài lâu hơn được nữa. Cộng sản còn rất ít thời gian trước sự mất kiên nhẫn của mọi phía, từ trong nội bộ đảng đến trong dân chúng và từ ngoại quốc. Ngay cả Liên Xô cũng công khai tuyên bố rằng: “Liên Xô mất kiên nhẫn vì cải cách quá chậm về mặt chính trị tại Hà Nội.” (Lời tuyên bố của ông Ivanốp, đại diện Liên Xô tại buổi họp của APEC vừa qua tại Singapore). Trước tình thế đó ban lãnh đạo CSVN chắc chắn đang phải ráo riết chuẩn bị cho những thay đổi chính trị sắp tới để kịp đáp ứng “thiên chí mới” của Mỹ. Và chắc chắn phản ứng của Mỹ đối với những phương án cải cách chính trị của CSVN sẽ được ban lãnh đạo CSVN đặc biệt quan tâm vì nếu Mỹ không chấp nhận thì những cải cách ấy sẽ không đạt được những mục tiêu đối ngoại là mở ra sinh lộ mới. Đó hẳn phải là một trong những mục tiêu thăm dò chính trong các cuộc gặp gỡ chính thức Việt-Mỹ bắt đầu từ 6/8/90 vừa qua tại Nữ Ước. Và chúng ta cũng không loại trừ khả năng Mỹ sẽ tạm chấp nhận những cải cách 2 và 3 ở trên như là bước khởi đầu cho tiến trình “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam.

Về mặt kinh tế, chủ trương đổi nội đường như có thành thật hơn. Tuy nhiên cho tới nay Nhà nước thật sự chưa có một kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn và vững chắc. Tất cả các biện pháp tung ra trong vài năm gần đây đều chỉ là những biện pháp “cứu nguy” tức thời, Hiến Pháp chưa được sửa đổi để thích ứng với một nền kinh tế thiên về thị trường tự do. Hệ thống tài chính và ngân hàng chưa được tổ chức lại cho phù hợp với nền kinh tế thị trường. Vai trò của kinh tế tư nhân chưa được công nhận một cách tương xứng với những đóng góp hiện nay và triển vọng tương lai của nền kinh tế quốc gia. Hơn thế nữa, sự thành công tạm thời của cải cách kinh tế chỉ chứng tỏ sự sai lầm của các quan niệm kinh tế chính trị học Mác-Lê. Ban lãnh đạo bảo thủ hiện nay của đảng CS lại chưa muốn từ bỏ những giáo điều Mác-Lê đó. Cho nên những biện pháp cải cách kinh tế hiện nay vẫn chỉ là tạm thời và có tính cách chiến thuật. Luật pháp chưa công nhận quyền sở hữu tư nhân các tư liệu sản xuất. Luật đầu tư trong nước, tức luật kinh doanh, đã bị trì hoãn nhiều lần, cho tới nay vẫn chỉ là dự thảo, với nhiều điều khoản “nửa vời”. Nhưng điều quan trọng hơn vẫn là mọi cải cách kinh tế sẽ không có thành quả nếu không có

vốn và đầu tư khoa học kỹ thuật của quốc tế, mà giới kinh doanh quốc tế chỉ có thể vào được Việt Nam sau khi đã có những cải cách chính trị và xã hội cần thiết, ít nhất là những thay đổi khởi đầu bảo đảm được sự hoạt động kinh doanh tự do và có lãi. Vụ bắt giữ những người ngoại quốc vừa qua chỉ làm chậm thêm triển vọng đầu tư quốc tế.

Kết Luận

Dù ban lãnh đạo CSVN hiện nay có toan tính những mưu chước gì đi chăng nữa thì cuối cùng họ cũng không thể cưỡng lại được sức mạnh của thực tế tình hình thế giới và trong nước. Trong thực tế ấy có ý chí và nguyện vọng của đại đa số nhân dân Việt Nam muốn được sống trong tự do, no ấm và hạnh phúc. Với ý chí và nguyện vọng đó, hàng chục năm nay nhân dân Việt Nam vẫn kiên trì né lách mọi áp chế của chế độ CS để tìm mọi phương cách sống còn. Càng quen với những thủ đoạn kinh tế và chính trị của Nhà nước CS bao nhiêu *thường dân Việt Nam càng tìm ra nhiều phương cách tinh vi khôn khéo để bảo quản lấy đời sống của mình*. Họ rất nhanh nhậy trong việc lợi dụng những yếu kém về quản lý, điều hành xã hội của các cán bộ cộng sản bất tài, vừa khai thác những khe hở trong hệ thống hành chính quan liêu đầy tham nhũng của chế độ. Kết quả là chính nhân dân lao động, bằng cách tự cứu mình, đã và đang đẩy CSVN vào một tình thế mâu thuẫn bế tắc không lối thoát. Không thực hiện đổi mới thì không được dân chúng ủng hộ, mà càng thực hiện đổi mới càng có nguy cơ xa rời học thuyết Mác Lê, đến nay vẫn là khí cụ duy nhất biện minh cho độc quyền chính trị của họ. Thực hiện kinh tế thị trường thì giải thích làm sao được sự cần thiết của một cuộc “cách mạng quan hệ sản xuất”? Thực hiện dân chủ đòi hỏi phải có ngôn luận tự do và công khai, đồng thời với sinh hoạt chính trị dân chủ và bầu cử bình đẳng. Nhưng những điều kiện đó lại không thể đi đôi với nền “chuyên chính vô sản” được nữa. Do đó thật dễ hiểu rằng ban lãnh đạo công sản đang ở trong vòng lẩn quẩn đầy nghịch lý: hô hào dân chúng kinh doanh làm ăn để gia tăng sản xuất nhưng chưa thật sự công nhận nền sở hữu tư nhân tư liệu sản xuất. Mặt khác kêu gọi trong sạch hóa bộ máy chính quyền, dân chủ hóa trong đảng và ngoài xã hội trong khi đó lại dung túng đặc quyền đặc lợi, tham nhũng và không chấp nhận tiếng nói độc lập và đối lập.

Tất cả những nghịch lý đó xuất phát từ chỗ họ vẫn trốn chạy trước sự thực của tình thế mới, và trách nhiệm trước lịch sử, trách nhiệm đã đẩy lùi dân tộc trên đường tiến hóa, đồng thời vẫn thâm tóm mọi đặc quyền đặc lợi. Đó là bản chất của đảng CSVN, bản chất ấy đã xuyên suốt qua quá trình hoạt động của họ, kéo dài cho đến hôm nay và cho đến khi nào giới lãnh đạo CSVN chưa từ bỏ bản chất đó thì họ vẫn chưa tìm được lối thoát cho chính đảng CSVN của họ và nhất là cho đất nước Việt Nam, dù họ có thực thi những thủ đoạn chính trị tinh vi đến mức nào. Nghịch lý của đảng CSVN là

một nghịch lý không lối thoát. Sự khốn cùng của đất nước là sự khốn cùng của chế độ cộng sản. *Nhưng sự hồi sinh của đất nước lại mở đường cho sự tiêu vong của chủ nghĩa cộng sản và của đảng CSVN.* Ban lãnh đạo CSVN hiện nay dù cố gắng thực thi bất cứ thủ đoạn chính trị tinh vi nào cũng không ra ngoài được nghịch lý ấy. Và nghịch lý ấy đã mở ra cho những người Việt yêu nước không cộng sản một cơ may mới. Tất nhiên với điều kiện là chúng ta có được một *sách lược mới, hành động mới*, vừa khai thác được nghịch lý đó của cộng sản, vừa phù hợp với xu thế chung của thế giới và thời đại. Chúng tôi sẽ đề cập tới vấn đề này trong bài tới.

Phan Tự Chủ

8.90

Viết chung với ĐPT. Đăng lại trong Đoàn Viết Hoat và Nhóm Diễn Đàn Tự Do, tr. 101-110

Việt Nam Sau Đông Âu

Trước khi bàn tới tình hình trong nước, chúng ta hãy điem qua tình hình thế giới, đặc biệt là Đông Âu.

Cho tới nay, tháng 4-1990, hình thể chính trị Đông Âu đã rõ nét. Chỉ trừ Nam Tư và An-ba-ni còn đang diễn tiến, tại hầu hết các nước Đông Âu khác một thể chế chính trị mới đã ra đời. Tại hầu hết các nước đã tổ chức bầu cử tự do đa đảng. Đảng Cộng Sản đều không dành được đa số phiếu và do đó đã mất quyền lãnh đạo. Các chính quyền không cộng sản đang tiếp tục xuất hiện tại Đông Âu. Điều đáng chú ý là tại hầu hết các nước đã có bầu cử tự do cuộc tranh đua chính trị không xảy ra giữa đảng cộng sản và các đảng không cộng sản, mà là giữa các đảng không cộng sản với nhau. Trong các cuộc tranh đua dân chủ này đảng cộng sản hầu như không còn là đối thủ đáng quan ngại của các đảng phái không cộng sản. Như tại Đông Đức, các đảng không cộng sản đua tranh ráo riết và đều dành được những vị trí hàng đầu bỏ xa đảng Cộng sản. Đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo chiếm hơn 40% số phiếu, trong khi đảng Cộng sản chỉ chiếm được hơn 16%. Tại Hungari, hai đảng không cộng sản tranh nhau chiếm vị trí đứng đầu: Liên Minh Dân Chủ Bảo Thủ và Liên Minh Dân Chủ Tự Do (cấp tiến hơn). Nếu tình hình tiếp tục diễn tiến như hiện nay thì chúng ta có thể dự kiến khá chính xác rằng vào cuối 1990 hầu hết các nước Đông Âu sẽ có những chính quyền không cộng sản.

Những diễn biến đang xảy ra ở Đông Âu gia tốc mau lẹ hơn dự kiến của nhiều chuyên viên thời sự thế giới. Người ta có thể trông thấy một nước Đức hợp nhất trước khi Tây Âu hợp nhất vào năm 1992. Và nếu như thế thì một Âu Châu hợp nhất liệu có thể xảy ra đồng thời ngay sau khi Tây Âu hợp nhất hay không? Có lẽ điều này tùy thuộc vào thái độ của các nước Tây Âu như Anh, Pháp, và đặc biệt của hai siêu cường Nga-Mỹ, nhất là Nga có thể chịu đựng được một Âu Châu hợp nhất quá sớm như thế không khi mà Nga Sô chưa tìm được lối thoát cho những vấn đề nội bộ của mình, nhất là vấn đề thể chế Liên Bang mới. Nhưng dù sao đi nữa thì việc hợp nhất Âu Châu chỉ còn là vấn đề thời gian và phương thức nữa mà thôi.

Với viễn ảnh một Âu Châu hợp nhất như thế chúng ta trông thấy sự ra đời một thế giới mới trong thập niên 1990, nhất là từ giữa thập niên trở đi. Thế giới mới này sẽ bao gồm nhiều Liên hiệp các quốc gia độc lập tự chủ, với nhiều hình thức khác nhau, từ lỏng lẻo như ASEAN hiện nay (ASEAN cũng sẽ tiến tới chặt chẽ hơn), tới chặt chẽ hơn như đề án hợp nhất Âu Châu (với nghị viện chung, thị trường hợp nhất, tiền tệ chung, cờ chung nền xanh 12 sao

trắng...). Những quốc gia nhỏ đơn độc trong mỗi khu vực sẽ phải dần dần kết tụ lại thành một liên hiệp các quốc gia. Trong chiều hướng đó, các tổ chức hợp tác vùng hiện đã ra đời sẽ tiếp tục được hoàn thiện, và các tổ chức liên quốc gia khu vực sẽ tiếp tục xuất hiện. Thể chế Liên bang quá tập trung hiện nay tại Liên Xô sẽ phải được thay thế bằng một thể chế liên hiệp các quốc gia độc lập. Tương lai của Trung quốc cũng không thể đi ngoài chiều hướng khác hơn là một liên hiệp 7 dân tộc vùng Bắc và Đông Bắc Á là Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng, Đài Loan và Chuang. Bản đồ thế giới mới sẽ tiếp tục được định hình lại trong thập niên 1990, và tới đầu thế kỷ 21, một thế giới mới toàn cầu hóa và nhân loại hóa sẽ thật sự ra đời.

Tất nhiên cái thế giới mà chúng ta đang dự phóng đó không phải chỉ toàn màu hồng. Ngược lại, để tiến tới được một thế giới thật sự quốc tế và hòa hợp nhân loại như thế còn nhiều, rất nhiều vấn đề gai góc cần được giải quyết. Bất cứ ai chăm chú theo dõi tình hình thế giới về mọi mặt, từ kinh tế thương mại, tới văn hóa, chính trị, xã hội, đều thấy nổi bật lên một số vấn đề có tính toàn cầu, như nạn nhân mãn, tình trạng ô nhiễm môi sinh, sự chênh lệch giàu nghèo, tình trạng bạo loạn và khủng bố thế giới, sự khủng hoảng niềm tin tinh thần và đạo đức xã hội... Điều đáng nói ở đây là *tính toàn cầu* của những vấn đề này. Đó không còn là những vấn đề riêng của một quốc gia nào, một thể chế chính trị kinh tế riêng biệt nào. Tất nhiên trong một xã hội khép kín, khe khắt, độc đoán và chậm tiến thì những vấn đề này có thể ít bộc lộ hơn hoặc ít trầm trọng hơn. Nhưng điều nghịch lý là nếu muốn phát triển thì phải phá vỡ các tính chất khép kín, độc đoán, khép kín đó. Và một khi các tính chất đó được phá vỡ thì đồng thời những vấn đề thời đại trên cũng được bung vỡ ra, vì đây chính là những vấn đề chung của thời đại công nghiệp hóa cao độ, kể từ cuộc cách mạng kỹ nghệ lần thứ nhất tới nay, và sẽ còn tiếp tục nếu nhân loại không nhanh chóng có những biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Sự lan tràn của kỹ nghệ kéo theo những vấn đề thời đại này, và ngày nay, toàn nhân loại đang đứng trước những nguy cơ chung, có thể không hủy diệt nhân loại như bom nguyên tử, nhưng chắc chắn đang đe dọa đời sống ổn định, phát triển và hạnh phúc của cả loài người, kể cả làm suy thoái dần văn hóa và nhân chủng.

Nhưng nói chung những vấn đề thời đại trên đây chưa phải là những vấn đề nóng bỏng hiện nay của chúng ta. Đó là những vấn đề của các nước có nền công nghiệp phát triển. Và chính vì thế mà họ đang phải cùng nhau cố gắng hợp tác để giải quyết, vì nếu không giải quyết được những vấn đề này thì sự an ninh thịnh vượng và thành quả văn minh của họ sẽ bị tan vỡ trước. Đồng thời, sự hợp tác của các nước công nghiệp này lại là một cơ may cho những nước kém phát triển như nước ta. Trước hết vì nhờ sự hợp tác hoà bình này mà những nước như nước ta không còn phải tiêu phí quá nhiều tài lực và nhân lực vào những công việc phi phát triển như chiến tranh, tạo loạn và chống tạo

loạn. Sau nữa, sự hợp tác quốc tế để phát triển sẽ tạo ra những nguồn hỗ trợ tài chính và khoa học kỹ thuật dồi dào và đa dạng rất cần thiết cho sự phát triển xã hội của chúng ta.

Tình hình quốc tế hiện nay như thế đang hết sức thuận lợi cho sự phục hưng đất nước, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Chính những nước chung quanh chúng ta nhờ sớm vận dụng được cơ may này mà đã đạt được những bước tiến nhảy vọt vượt xa nước ta rất nhiều. Nhưng để có thể vận dụng được cơ may này cần có những điều kiện gì? Nhìn sang những nước mới đạt được những bước phát triển nhanh chóng (những Con Rồng Châu Á) chúng ta sẽ thấy ngay những điều kiện này.

Trước hết đó là không khí tự do trong mọi hoạt động xã hội. Sự tự do ấy triệt tiêu mọi tham vọng độc quyền, mở đường cho mọi cố gắng phát triển xã hội có cơ hội thực hiện được, nhờ đó những người có khả năng, có sáng kiến được phát huy hết năng lực của mình. Nhưng tự do chưa đủ, vì tự do chỉ có ý nghĩa tích cực nếu loại trừ được rối loạn, đồng thời không dẫn tới độc đoán. Một nền tự do trong sáng như thế chỉ có thể phát triển được trong một xã hội có pháp quyền nghiêm minh và công chính. Nền dân chủ pháp quyền (*) bảo đảm tự do cho mọi công dân, tiêu trừ mọi thứ tự do xây dựng trên đặc quyền đặc lợi, và không chấp nhận mọi hình thức dùng tự do để triệt tiêu tự do của người khác. Một nền pháp chế như thế không thể xây dựng được bằng bạo quyền và áp đặt dưới bất cứ hình thức nào, tinh vi hay thô bạo. Nền pháp chế đó phải được xây dựng trên ý nguyện và quyền lực của đại đa số quốc dân. Mà ý nguyện và quyền lực của quốc dân chỉ có thể xây dựng được qua những cuộc trưng cầu dân ý và những cuộc bầu cử thật sự tự do và công bình. Như thế ba điều kiện cho phát triển xã hội là tự do, dân chủ và pháp luật. Có ba điều kiện này thì các điều kiện khác như khoa học kỹ thuật quốc tế mới phát huy tác dụng tích cực và lâu bền được.

Ở nước ta hiện nay cả ba điều kiện này đều chưa có. Và cho đến khi nào có được những điều kiện đó, cánh cửa phát triển vẫn chưa thể nào mở rộng được. Điều đáng lo là Hội Nghị Trung Ương 8 (khoá VI) vừa qua của đảng Cộng sản Việt Nam vẫn chưa cho chúng ta thấy một dấu hiệu chuyển hướng nào theo chiều hướng này của các nhà lãnh đạo cộng sản. Ngược lại, những gì được công bố sau Hội Nghị đã làm cho người dân, hay đúng hơn là những ai còn kỳ vọng ở đảng Cộng Sản Việt Nam phải hoàn toàn thất vọng (bởi vì chắc rằng đại đa số quốc dân không còn mấy kỳ vọng ở đảng CSVN nữa). Không những thất vọng mà còn vô cùng âu lo. Âu lo vì nếu bế tắc hiện nay không giải tỏa nhanh chóng và thật tâm thì “tức nước vỡ bờ” tình thế rất dễ dàng bùng nổ thành bạo loạn và binh biến, một điều mà những ai có ý thức trách nhiệm thật sự đều không muốn xảy ra.

Những nhận định của Hội Nghị Trung Ương 8 về tình hình Đông Âu bộc lộ thái độ “đà điều” của Bộ Chính Trị già nua, giáo điều, bảo thủ. Một thái độ như thế vừa không phản ánh được xu thế đổi mới đang xảy ra như vũ bão trong thế giới cộng sản, vừa hoàn toàn xa lạ với những ưu tư và khát vọng của quần chúng Việt.

Đi sâu phân tích bản Thông Báo của Hội Nghị Trung Ương 8 chúng ta ghi nhận mấy điểm đáng chú ý sau đây.

Điều thứ nhất là Thông Báo không cho ta một thông tin nào liên quan tới cuộc thảo luận về bản Dự Thảo Cương Lĩnh mới.

(*) Từ ngữ đúng nghĩa ở đây phải là “dân chủ pháp trị”.

Chúng ta chỉ được biết qua tin hành lang rằng Hội Nghị đã diễn ra trong một không khí rất sôi động và căng thẳng. Hội nghị có thảo luận về dự thảo Cương lĩnh mới hay không? Nếu không thì chắc phải có một Hội Nghị Trung Ương nữa để chuẩn bị cho Đại Hội 7. Lý do có thể vì chưa thể đồng ý được về Cương Lĩnh đã được dự thảo từ ba năm nay. Trong khi đó thì Thông Báo cho biết ngắn gọn là Đại Hội 7 sẽ được triệu tập vào quý 2 năm 1991. Tình thế hết sức cấp bách tại sao Đại Hội lại được đẩy lùi xa như thế? Để phe bảo thủ có thêm thời gian chuẩn bị những xảo thuật chính trị mới? Hay vì ban lãnh đạo cộng sản hiện tại không thể đồng nhất được với nhau về đường lối mới trong tình hình mới và cần một thời gian chuẩn bị lâu dài hơn nữa? Thực ra thì cả hai lý do này đều chỉ là một, và phe bảo thủ muốn loại được những thành phần mà phe này gọi là “cực đoan nóng vội”, “cơ hội, mị dân, xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin, phủ nhận thành tựu cách mạng” (trong Thông báo).

Nhưng vấn đề là từ nay đến Đại Hội 7 tình hình sẽ biến động như thế nào? Ban lãnh đạo cộng sản còn chủ động được tình thế tới mức độ nào? Trước sóng trào của xu thế dân chủ và của lòng dân liệu Đại Hội 7 có thể là Đại hội cuối cùng của một đảng cộng sản độc quyền tại Việt Nam nữa hay không? Và phải chăng chính vì lo sợ như thế mà ban lãnh đạo cộng sản hiện nay trì hoãn Đại Hội để có thể có thêm thời gian thực hiện những “mưu chước phù thủy chính trị” của họ? Dù sao việc thiếu thông tin về cuộc thảo luận dự thảo Cương Lĩnh mới, và việc trì hoãn Đại Hội 7 đã bộc lộ sự lúng túng và mâu thuẫn trong nội bộ Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Điểm đáng lưu ý thứ hai trong Thông Báo liên quan tới trường hợp Trần Xuân Bách. Những người theo dõi Trần Xuân Bách trong mấy chục năm nay đều biết rõ con người Trần Xuân Bách và những thăng trầm của ông ta. Chỉ cần lưu ý rằng sau khi bị hạ tầng công tác Trần Xuân Bách đã nhanh chóng được phục hồi và được đưa vào Bộ Chính Trị trong Đại Hội 6 vừa qua. Và trong những tháng gần đây, cùng với sóng trào đổi mới ở Liên Xô và Đông Âu, Trần Xuân Bách đã tích cực vận động dư luận trong và ngoài đảng cho

cuộc cải tổ theo chiều hướng Liên Xô và Đông Âu. Đặc biệt, sau khi Nguyễn Văn Linh đã “thỏa hiệp” với phe bảo thủ trong Hội Nghị Trung Ương 7 thì Trần Xuân Bách lại dương cao ngọn cờ cải cách dân chủ theo đường lối đa nguyên đa đảng. Một nhà chính trị cơ hội như Trần Xuân Bách liệu có dám liều lĩnh chống lại đường lối bảo thủ hiện nay của ban lãnh đạo cộng sản nếu không cảm thấy có một chỗ dựa vững chắc nào đằng sau ông ta?

Chúng ta cũng cần liên hệ vụ Trần Xuân Bách với vụ việc khác, như vụ “cướp” lại ban Chủ Nhiệm Câu Lạc Bộ Cựu Kháng Chiến, vụ tạo ra một số quan điểm có vẻ “thoáng” hơn (báo Lao Động Chủ Nhật, Người Hà Nội...), cho phép một số cá nhân, tổ chức, có những ý kiến và hoạt động “tự do” hơn... Vụ Trần Xuân Bách do đó không thể chỉ được hiểu đơn giản như là sự tiến công của phe bảo thủ vào phe cấp tiến, mà như là một trong những “bùa chú chính trị” đang được tiếp tục tung ra. Những bùa chú này xem ra rất ngoạn mục nhưng rốt cuộc lại sẽ chỉ làm cho ban lãnh đạo Cộng sản Việt Nam hiện nay thêm “mắc làm kẻ ai” mà thôi. “Bàn tay lông lá” ở đâu trong tất cả những dàn dựng này? Và phần chìm của “tảng băng” chính trị Việt Nam hiện nay là gì?

Điểm đáng lưu ý thứ ba trong Thông Báo liên quan tới phần chìm của tảng băng chính trị này. Mở đầu Thông Báo nhận định rằng: *“Nhiều nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng nhất từ trước đến nay. Cuộc khủng hoảng này đang tác động tiêu cực tới phong trào cách mạng thế giới.”* Và bản Thông Báo đưa ra một số các giải pháp không có gì mới mẻ, trong đó đáng chú ý là hai quan điểm “trước hết, ổn định về chính trị” và “có tinh thần độc lập tự chủ” (người viết gạch dưới).

“Ổn định về chính trị” hiển nhiên có nghĩa là củng cố sự lãnh đạo độc quyền của đảng Cộng Sản. Nhưng còn “có tinh thần độc lập tự chủ” là nghĩa gì? Tại sao lại nêu ra tinh thần độc lập tự chủ trong lúc này? Phải chăng đó có nghĩa là khước từ áp lực của “bàn tay lông lá” Liên Xô? Chúng ta hãy nhớ lại một số sự kiện xảy ra trong những tháng gần đây để có thể nắm bắt được ý nghĩa của vài chữ tuy ngắn ngủi nhưng rất quan trọng này.

Vào cuối năm 1989, trong cuộc phỏng vấn dành riêng cho một ký giả Tây phương (đăng trên báo *Sudest Asie* số tháng 10-1989), trả lời câu hỏi Việt Nam chọn phương thức nào, Liên Xô hay Trung Quốc, ông Nguyễn Cơ Thạch trả lời rằng, trong kinh tế, phương thức thanh toán và giá cả quyết định. Mặt khác, trong một tài liệu do Câu Lạc Bộ Cựu Kháng Chiến phổ biến, Trần Văn Giàu lên tiếng phản đối việc đảng cho học tập chống lại Gorbachev. Trong khi đó, báo chí Việt Nam bắt đầu mở chiến dịch “tả oán” về tình trạng bi thảm của công nhân Việt Nam đang làm thuê tại các nước xã hội chủ nghĩa, và nhấn mạnh tới thái độ cư xử không mấy tốt đẹp của các nước này. Đây là điều mà báo chí Tây phương đã nói tới từ lâu, và tình trạng này đã bị tố cáo

tại Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO) và lúc đó Việt Nam đã phản đối bằng cách rút ra khỏi tổ chức này.

Tại sao đến nay Việt Nam lại nói lên sự thực quá cũ rích này? Phải chăng nó phản ánh tình trạng căng thẳng ngấm ngấm trong bang giao Xô-Việt? Báo chí quốc tế cho biết từ tháng 1-1990 Liên Xô đã bắt đầu cắt giảm khoảng 50% và tới đầu năm 1991 sẽ hoàn toàn bãi bỏ mọi phương thức giao thương “bao cấp” như hiện nay, và sẽ bán hàng cho Việt Nam theo giá quốc tế. Ngoài ra, ta cũng cần ghi nhận lời tuyên bố mới đây của ông Nguyễn Văn Linh với một ký giả Nhật rằng Việt Nam sẵn sàng cung cấp cho Nhật bản công nhân và nguyên vật liệu – một lời chào hàng cũ với một khách hàng mới để chuẩn bị cho việc mất các khách hàng cũ chẳng? Thật là bi thảm và đáng hổ thẹn cho Tổng Bí Thư một đảng luôn sẵn sàng hống hách ra oai với quần chúng đối rách nhưng lại sẵn sàng mang công nhân rẻ mặt của mình đi rao bán cho thiên hạ, ngang với rao bán một tấn than bùn, một tạ tôm uơn !

Phần chìm của tảng băng chính trị Việt Nam hiện nay còn có thể được “nhìn thấy” qua một số biến cố dồn dập xảy ra trong thời gian có Hội Nghị Trung Ương. Tạm kể một số sự kiện nổi bật: vụ Đường Sơn Quán, vụ thanh trừng tại tỉnh ủy Rạch Giá, vụ tổ chức vượt biên của một số cán bộ công an cao cấp tại Bến Tre, vụ Thanh Hương, và nhất là cao trào phê bình đảng của quân đội. Hai sự kiện sau cùng đáng quan tâm nhất.

Về vụ Thanh hương, như một nhà kinh tế đã phân tích trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật số ra ngày 8-4 vừa qua, lỗi chính là Nhà Nước vì đã cho phép các tổ chức kinh doanh tư nhân huy động vốn mà không có một qui định và chế tài cụ thể nào. Hơn nữa, theo công bố của cơ quan điều tra thì tích sản của Thanh Hương là 114 tỉ mà tiêu sản mới chỉ là 25 tỉ, vậy còn 89 tỉ đi đâu? Cơ quan công an cho biết tịch thu được cả ngàn cây vàng và hàng chục tỉ đồng tiền mặt. Vậy Thanh Hương đã làm ăn gì với số vốn khổng lồ đó? Làm sao có thể “đút túi” riêng với một số vốn lớn như thế? Buôn lậu gì chẳng? Ai đứng đằng sau? Và tại sao khi xử không thấy chúng ra bằng chứng buôn bán bất hợp pháp gì? Phải chăng chúng ta nên liên tưởng tới vụ buôn lậu bạch phiến vừa rồi ở Cu-ba.

Vụ quân đội phê phán ban lãnh đạo đảng lại càng khiến chúng ta phải quan tâm hơn nữa. Đây là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam vì do chính Ủy Viên Bộ Chính Trị Lê Đức Anh đứng ra tổ chức ngay sau khi ở Liên Xô về và trong khi Hội Nghị Trung Ương 8 đang họp. Phải chăng Lê Đức Anh làm theo chỉ thị của Liên Xô như nhiều người sẽ dễ dàng suy luận như vậy? Hay thực ra đây chỉ là một xảo thuật chính trị của Bộ Chính Trị, một kiểu “trăm hoa đua nở” dành riêng cho quân đội? Kết quả Hội Nghị Trung Ương 8 cho thấy giả thuyết thứ hai có phần nào đúng hơn. Và như thế thì quân đội lại một lần nữa bị phe chính trị đánh lừa và tình thế có

thể rất nghiêm trọng trong những tháng tới nếu đảng không loại trừ được những thành phần tương lãnh chống đối. Liệu có thể tránh đổ máu để mở đường thoát cho chính đảng Cộng sản Việt Nam hay không?

Qua các biến cố kể trên, chúng ta thấy ban lãnh đạo CSVN hiện nay đang mưu đồ thoát ra khỏi tình thế bế tắc hiện nay bằng những xảo thuật chính trị mới. Trước hết, họ đang tăng cường các biện pháp củng cố nội bộ, một mặt xiết chặt kỷ luật đảng, một mặt triệt tiêu hoặc vô hiệu hóa mọi mầm mống chống đối ngay trong nội bộ đảng. Sau nữa, tìm mọi cách ve vãn dân chúng, tỏ ra cởi mở hơn, nói lòng những chỗ nào cần thiết mà có thể nói lòng (đối với sinh viên, chẳng hạn) và cho phép một số tiếng nói cá nhân, đoàn thể hay báo chí được phê bình tự do và thẳng thắn. Đối với các nhóm không cộng sản và các tôn giáo thì vừa canh chừng vừa tìm cách vô hiệu hóa bằng mọi cách cần thiết và thích hợp (hù dọa, kích thích cho hoạt động để lộ diện rồi phá vỡ, cho phép các “giáo gian” hoạt động). Đây là bên trong nước. Còn đối ngoại, họ đang tích cực và chủ động mở những con đường mới về phía tư bản, đặc biệt là tìm cách nhích lại gần Mỹ và Trung Quốc. Chúng ta ghi nhận việc Phó Thủ Tướng Thái Lan tuyên bố tại Nhật rằng Nhật nên trở lại giúp Việt Nam và các nước khác trong khu vực Đông Nam Á. Đồng thời Việt Nam đã yêu cầu Thái Lan đứng ra tổ chức hội nghị giữa Việt Nam và Trung quốc để tìm giải pháp cho vấn đề Căm Bốt.

Về quan hệ Việt-Mỹ, hai sự kiện sau đây đáng được lưu ý. Đó là việc Mỹ vừa bãi bỏ lệnh cấm công dân Mỹ sang thăm viếng Việt Nam, và việc phái đoàn dân biểu Mỹ gồm 7 người đang đi thăm Đông Nam Á để tìm chỗ thay thế hai căn cứ quân sự Mỹ ở Phi Luật Tân. Phái đoàn muốn ghé thăm Việt Nam và Cam Ranh. Mặc dù Việt Nam phủ nhận nguồn tin của một dân biểu trong phái đoàn về việc một viên chức Việt Nam đã ngõ ý Việt Nam sẵn sàng mở cửa Cam Ranh cho Mỹ, chắc chắn đang có những cuộc đi đêm quan trọng giữa hai bên. Cho tới nay Việt Nam luôn hối thúc Mỹ nói lại bang giao để mở đường cho tư nhân Mỹ đầu tư vào Việt Nam nhưng Mỹ không vội vàng gì và liên tiếp đòi hỏi những điều kiện ngày một cụ thể và khó khăn hơn. Trong hai năm gần đây chính phủ Hà Nội đã phải chấp nhận một số khuyến cáo của các tổ chức tài chánh thế giới (IMF và World Bank) nên đã giảm được lạm phát. Nhưng như thế vẫn chưa đủ để bước hẳn vào giai đoạn phát triển nếu không chấp nhận những đòi hỏi thay đổi căn bản về chính trị. Ban lãnh đạo hiện nay biết rất rõ điều đó nên đã tìm mọi cách tranh thủ phe tư bản, đặc biệt là Mỹ, Nhật, Anh và Pháp, bằng cách sẵn sàng đem bất cứ gì mà phe tư bản cần để trao đổi lấy sự công nhận về chính trị và sự viện trợ kinh tế – trao đổi bất cứ gì, kể cả sinh mệnh và danh dự của người dân cùng khổ (các thuyền nhân, các cựu tù nhân cải tạo...) chỉ trừ sự độc quyền chính trị của đảng Cộng Sản tại Việt Nam. Sự thật chua xót này bộc lộ sự cùng quẫn của

giới lãnh đạo cộng sản hiện nay, và do đó, đang tạo cơ hội mới cho những người Việt yêu nước không cộng sản. Cơ hội đó đang nhanh chóng tiến đến và sẽ thật sự xuất hiện sau khi những người cộng sản cầm quyền hiện nay thanh toán được sự cùng quẫn và mâu thuẫn nội bộ của họ, hoặc bằng một cuộc binh biến đẫm máu, hoặc bằng một tiến trình rút lui trong danh dự.

Chúng ta mong rằng những người cộng sản Việt Nam sẽ tìm được đường thoát cho họ mà không phải gây ra những chết chóc bi thảm và vô ích cho những binh sĩ và thường dân vô tội. Tuy nhiên, chỉ có một con đường để tránh được thảm họa đó vừa cho đảng Cộng sản Việt Nam vừa cho dân chúng Việt Nam. Đó là giới lãnh đạo cộng sản hiện nay tìm những phương thức tốt nhất để rút lui trong danh dự ra khỏi chính trường Việt Nam. Để rút lui trong danh dự họ hãy can đảm chấp nhận tự do và dân chủ thực sự trong sinh hoạt nội bộ đảng của họ. Đó là con đường tốt nhất để chuẩn bị cho Đại Hội 7 sắp tới. Và điều này phải được thực hiện một cách chân thành và nhanh chóng càng sớm càng tốt để tránh biến loạn và cũng để phần nào cứu vãn được vị thế chính trị của đảng Cộng sản Việt Nam trên chính trường Việt Nam trong thập niên 1990. Nếu giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam hiện nay không chuẩn bị Đại Hội 7 trong tinh thần và đường hướng đó thì hậu quả sẽ khó thể tránh được biến loạn xã hội để mở đường thoát cho dân tộc, và sự tan rã hoàn toàn của đảng CSVN trên chính trường Việt Nam tương lai.

Về phần những người yêu nước không cộng sản, chúng ta hãy chuẩn bị kỹ hành trang cho một cuộc “lên đảng” mới. Lên đảng không phải để lật đổ chế độ hiện tại mà là để thay thế. Lên đảng không phải là để gây bạo loạn, chia rẽ và phá hoại, mà là để hòa giải, đoàn kết và xây dựng. Lên đảng không phải để dựng lại một quá khứ mục nát, bất tài, tham nhũng và lạc hậu, mà là mở ra một tương lai tự do, dân chủ thái bình và thịnh vượng cho toàn thể dân tộc. Chuẩn bị cho một hành trang như thế không phải là công việc đơn giản có thể do đơn độc từng cá nhân hay từng nhóm riêng lẻ hoàn tất trong một sớm một chiều. Mỗi chúng ta hãy đem hết tim óc ra cùng nhau làm việc ngày đêm không nghỉ ngay từ bây giờ mới hy vọng chuẩn bị kịp cho cuộc chuyển mình lớn lao sắp tới của đất nước.

N.P.P

Cuối năm 1990

(N.P.P. là một trong nhiều bút hiệu tôi dùng trong *Diễn Đàn Tự Do*)

Việt Nam Sau Tháng Năm

Tháng Năm 1990 đã qua đi để lại một dư vị không mấy ngọt ngào nếu không muốn nói là chua chát cho chế độ. Không khí tung bưng giả tạo của những ngày lễ lớn không làm át được mối lo âu lúng túng của giới cầm quyền trong đảng CS. Sấm chớp và những đám mây đen của một cơn giông lớn đã bắt đầu xuất hiện.

Ngay trước những ngày lễ lớn những biện pháp quyết liệt chưa từng có trong suốt 15 năm nay đã phải đem ra áp dụng. Trước hết là trục xuất Trần Xuân Bách ra khỏi Bộ Chính Trị và Ủy Ban Trung Ương. Trần Xuân Bách là người gần đây được coi như đỡ đầu cho phong trào CS mới tại Việt Nam. Ông và các đồng chí của ông ta muốn cải tổ đảng CSVN thành một chính đảng cánh tả Mácxít mới theo chiều hướng nhân đạo dân chủ “có nhân tính” như đang được thực hiện tại Liên Xô và các nước Đông Âu. Họ cho rằng dân chủ hóa là xu thế không thể tránh được. Và trước sau gì Việt Nam cũng phải theo. Chỉ có một đảng CS mới như thế mới hy vọng lấy lại được niềm tin của dân chúng và duy trì được quyền lãnh đạo chính trị trong một cuộc bầu cử tự do đa đảng chắc chắn phải xảy ra. Họ cho rằng phải mạnh mẽ và nhanh chóng thay đổi mới kịp ứng phó với tình thế. Và họ tin rằng đảng CS còn thời gian để chuẩn bị nếu làm ngay trước khi những nhóm quốc gia không CS hiện còn lẻ tẻ kịp thời tập hợp lại, và trước khi tình thế bế tắc không còn cơ cứu gỡ và sẽ bùng vỡ ra không phương cứu chữa.

Quan điểm này được những người CS trẻ, nhất là những người CS miền Nam, hết sức tán thành. Đặc biệt những người cựu kháng chiến miền Nam và những người thân Cộng miền Nam cũ trong mấy tháng gần đây đã tích cực hoạt động trong chiều hướng này. Họ đã thành lập một tổ chức chính trị mới là Liên Đoàn Dân Chủ Việt Nam, hy vọng qui tụ được mọi thành phần xã hội và chính trị. Họ cũng dự định thành lập cả một nội các trong bóng tối (nghe nói họp tại Đà Lạt, và danh sách đã được công an tịch thu được từ trong cặp táp của Morrow). Họ cũng ấn hành cương lĩnh, truyền đơn và tuyên ngôn để chuẩn bị tung ra trong cuộc biểu dương lực lượng rầm rộ vào hai ngày lễ 30-4 và 1-5 tại Sài Gòn. Tất cả những chuẩn bị đó đã bị công an gài người vào tổ chức phát hiện và phá vỡ, cuối cùng hơn 100 người bị bắt giữ tại Sài Gòn và hàng ngàn người khác tại miền Tây và các nơi khác. Nguyễn Hộ, nguyên chủ nhiệm Câu Lạc Bộ những người cựu kháng chiến được biết trước nên đã trốn thoát. Một số trí thức miền Bắc từ lâu làm việc tại miền Nam cũng bị bắt trong vụ này.

Song song với việc phá vỡ tổ chức của những người CS cấp tiến là việc ruồng bỏ những người quốc gia, đặc biệt là những người có liên hệ với nước ngoài. Cho tới nay đã có 4 tổ chức không cộng sản bị phá vỡ và nhiều người cầm đầu đã bị bắt giữ. Thông báo của chính phủ không nói gì đến vụ bắt bớ những người CS cấp tiến nhưng lại làm rùm beng về các vụ bắt bớ khác, đặc biệt thổi phồng nguy cơ xâm nhập từ bên ngoài, và “chuyển lửa về quê nhà”. Thật ra cho tới nay chỉ có những người CS cấp tiến bất mãn là có khả năng gây ra được những chính biến đáng kể, còn các nhóm không CS, kể cả tôn giáo, còn cần một thời gian nữa để củng cố và tập hợp lực lượng mới đủ sức làm chuyển biến tình thế được. Nhưng thừa dịp Bộ Chính Trị đồng ý tạm gạt nhóm Trần Xuân Bách ra khỏi chính trường vì chủ trương còn *quá sớm* và quá độc lập, nhóm bảo thủ trong đảng đã thổi phồng nguy cơ “phản động” để vừa gây trở ngại cho phe cải cách, vừa đe dọa những nhóm chống đối không CS hầu mua thêm thời gian chuẩn bị cho các mưu chước “thay da đổi lột”.

Nhưng những vụ bắt bớ vừa qua chắc chắn không góp phần củng cố đảng CS. Và phải chăng phe bảo thủ, đứng đầu là Lê Đức Thọ và Mai Chí Thọ, đang vô tình xập vào một cái bẫy nào đó vì những hành động hoàn toàn lạc điệu của họ? Thêm vào đó là chuyến đi bất thành của Thứ trưởng Ngoại giao Trung quốc. Tất cả đều đang tạo ra thêm những áp lực mới cho Bộ CT Hà Nội, đồng thời cũng bộc lộ những vận động ngầm ngấm của Hà Nội hồng cứu vãn tình thế. Chúng ta cũng cần liên hệ các biến cố trên với những sự kiện sau: Nguyễn Khánh gặp chính phủ Pháp ngay sau khi Lê Đức Thọ rời Paris. Nguyễn Văn Linh tuyên bố trong tương lai có thể có những Bộ trưởng không cộng sản trong chính phủ, và Hà Nội cho phép vợ con Hoàng Văn Hoan đi Bắc Kinh thăm Hoàng Văn Hoan, mời Hoàng Văn Hoan về Hà Nội, và ngay sau đó, Tổng Bí Thư đảng CS Trung quốc đã đích thân tới thăm Hoàng Văn Hoan.

Ngay sau các vụ bắt bớ kể trên, Bộ CT và một số Ủy viên Bộ CT đã cố tìm cách xoa dịu giới trí thức, các cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa và các tu sĩ Phật giáo. Nhưng dù sao những biến cố tháng Năm ấy cũng đã phủ một đám mây đen xuống bầu trời Việt Nam vốn đã rất u ám từ sau các biến động tại Đông Âu. Những biến cố đó cũng cho thấy nỗi lo âu lúng túng của giới lãnh đạo CSVN trước thúc bách của tình thế. Mọi người Việt quan tâm tới vận mệnh đất nước đều hàng ngày theo dõi sát sao những biến chuyển đang diễn ra trên thế giới, đặc biệt là tại các nước trước đây là cộng sản. Những biến chuyển ấy xảy ra với tốc độ dồn dập đang làm biến đổi hoàn toàn bộ mặt của Liên Xô và các nước cộng sản nói riêng, cùng với bộ mặt của cả Âu Châu và thế giới nói chung. Trong khi đó những nhà lãnh đạo CSVN còn tiếp tục lúng túng trước tình thế mới chưa tìm ra được những phương sách rõ rệt và

hiệu quả để đối phó. Họ còn quá nhiều vấn đề để giải quyết với một thời gian ngày càng quá ngắn.

Liệu họ có thể cứu vãn được tình trạng “tiền thối lương nan” hiện nay của họ nữa hay không? Chắc chắn họ đang phải chạy đua với thời gian từ nay đến cuối năm để sắp xếp lại nội bộ, “tuyển lựa lại đào kép” cho một gánh hát mới, với những vở tuồng mới phải ra mắt quốc dân và quốc tế vào giữa sang năm. Nhưng họ còn có trong tay được những bài vở gì với những đào kép nào đáng giá và còn ăn khách nữa? Họ hẳn hy vọng học được những kinh nghiệm quý báu ở những gì đang xảy ra tại các nước Đông Âu hậu cộng sản, đặc biệt là tại Bungari, Rumani và Mông Cổ, nơi mà các đảng cộng sản vẫn dành được đa số ghế trong Quốc hội qua một cuộc bầu cử tự do đa đảng. Nhưng ở những nơi đó không có các hoạt động chính trị đa đảng tương đối tự do như ở miền Nam Việt Nam trước 1975. Ở những nơi đó cũng không có những đảng phái quốc gia không CS mà tới nay vẫn còn nhiều tiềm lực đáng kể. Họ cũng không có những tổ chức tôn giáo lớn vẫn vững vàng chưa hề bị chế độ cộng sản còn non trẻ tại miền Nam phá vỡ. Và nhất là họ không có những thất bại chua cay của đảng CSVN trong suốt 15 năm qua, thất bại đã gần làm tan rã đảng CSVN đồng thời đẩy gần 2 triệu người Việt ra sống lưu vong ở hải ngoại – một lực lượng còn sức sống nóng hổi cho bất cứ một biến cố chính trị nào tại Việt Nam. Và trên hết là tinh thần bất khuất của mỗi người Việt yêu nước, cái tinh thần đã làm nên Bạch Đằng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, và công cuộc phục hưng đất nước sắp tới.

Với những tính chất đặc biệt Việt Nam đó liệu các bài học tại Đông Âu và Mông Cổ có thể giúp gì cho đảng CSVN trong mưu đồ “cải lão hoàn đồng” của họ nữa hay không? Chúng ta tất nhiên phải cảnh giác trước những mưu toan mới của giới lãnh đạo CSVN. Tuy nhiên chúng ta tin tưởng rằng bất cứ mưu toan nào đi ngược lại xu thế cũng sẽ thất bại, còn mọi mưu toan dựa vào xu thế để tồn tại sẽ chỉ đưa đảng CSVN rơi vào quỹ đạo của chiến lược toàn cầu “diễn biến hòa bình” của Mỹ mà thôi. Nhưng điều phải nhấn mạnh ở đây là: tương lai đất nước ra sao, tương lai đảng CSVN ra sao tùy thuộc rất lớn vào chính những người Việt yêu tự do dân chủ. Vai trò lịch sử của những người cộng sản tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn chấm dứt. Những người Việt yêu tự do dân chủ, không chấp nhận đường lối cộng sản đã sẵn sàng để đảm nhận vai trò lịch sử mới hay chưa? Đó là vấn đề then chốt. Các siêu cường không thể trả lời câu hỏi này cho chúng ta được. *Chỉ có chúng ta, với sự hoạt động tích cực và trưởng thành mới giải quyết được vấn đề đó.*

Hỡi các bạn yêu tự do dân chủ. Một công cuộc lớn lao đang chờ đợi chúng ta. Nhưng chúng ta cũng không nên phí nhiều thời gian nữa. Hãy mau chóng chấn chỉnh lại hàng ngũ của mỗi nhóm để kịp thời tập hợp lại trong liên minh vì một mục tiêu chung: Vì Tự do Dân chủ chân chính và toàn dân.

Trong giai đoạn này chúng ta hãy đồng ý với nhau một mục tiêu chung đó. Mọi khác biệt khác sẽ được để sang một bên. Chỉ khi nào có tự do dân chủ tất cả chúng ta mới có cơ hội để phát huy những đường hướng và những ý kiến riêng của chúng ta. Đồng thời, trong khi chân chính hàng ngũ chúng ta cũng cần đề cao cảnh giác mọi xâm nhập của cộng sản và mọi kế hoạch phát hiện của an ninh cộng sản ít nhất từ nay cho đến đại hội đảng của họ. Quyết không để bị tiêu hao lực lượng đấu tranh chung trước giờ hành động cuối cùng.

Diễn Đàn Tự Do là tiếng nói chung của các bạn. Mọi đóng góp vì một mục tiêu chung đều được tiếp nhận để tiếng nói tự do dân chủ ngày một vang dội khắp nơi.

DĐTD, 7/90

Thêm Một Bước Tiến Vững Chắc Tới Hòa Bình Ổn Định Ở Đông Dương

Ngày 18 tháng 7 vừa qua, sau khi tham khảo với Ngoại trưởng Liên Xô, Ngoại trưởng Mỹ tuyên bố từ nay chính phủ Mỹ chấm dứt công nhận chính phủ kháng chiến Cam Bốt và sẽ trực tiếp nói chuyện với Hà Nội về vấn đề Cam Bốt. Đồng thời ông nhấn mạnh Mỹ vẫn sẽ viện trợ cho hai phe kháng chiến không cộng sản, và chưa nói lại bang giao với chính phủ Hà Nội.

Quyết định của Mỹ được tất cả các nước phương Tây hoan nghênh trừ Trung quốc. Riêng phản ứng của các nước ASEAN lúc đầu chắc sẽ chưa thuận lợi, vì quyết định được đưa ra quá đột ngột và không thông báo trước cho họ. Tuần này (từ 24-7) họ sẽ họp để nghiên cứu quyết định này và chắc Mỹ sẽ phải giải thích và thuyết phục họ để sau cùng họ sẽ thông hiểu ý định và kế hoạch của Mỹ tại Đông Dương trong giai đoạn tới. Ai cũng biết Mỹ đóng vai trò quyết định đối với tình hình chung của cả thế giới cũng như riêng của khu vực Đông Nam Á. Vậy tại sao, sau hơn 10 năm bất ổn định tại khu vực này tới nay Mỹ mới thực hiện một bước tiến quan trọng như thế?

Như chúng ta đều biết, ổn định khu vực vẫn là một vấn đề hàng đầu mà Mỹ và đồng minh đặt ra cho Liên Xô trong suốt thập niên 1970 và đầu thập niên 1980. Cho tới khi ông Gorbachev lên cầm quyền thì Liên Xô mới chính thức chấp thuận cùng với Mỹ giải quyết ổn thỏa các vấn đề tranh chấp khu vực. Và liền sau đó Liên Xô đã rút quân ra khỏi Afghanistan. Mặc dù đã đồng ý ổn định các khu vực nhưng mỗi khu vực trên thế giới có những vấn đề với những tính chất khác nhau, và do đó đòi hỏi những biện pháp khác nhau.

Riêng đối với khu vực Đông Dương và Đông Nam Á, vấn đề ổn định gặp nhiều khó khăn phức tạp vì không phải chỉ liên quan tới Mỹ và Liên Xô mà còn liên quan tới Trung quốc và Việt Nam, là hai nước với hai đảng cộng sản có quá trình hình thành và phát triển tương đối lâu dài và vững chắc, cả hai lại đều có những ý đồ bành trướng riêng trong khu vực. Thực tế ấy đẩy hai nước cộng sản Á châu kỳ cựu này tới chỗ xung đột, và cuối cùng chính hai nước này lại là nhân tố tạo bất ổn định tại khu vực. Đó là nguyên nhân thứ nhất làm cho tình hình khu vực thêm khó khăn.

Nguyên nhân thứ hai là trong suốt thập niên 1980 vừa qua trọng tâm chú ý của cả hai siêu cường Nga-Mỹ lại là ở Châu Âu, đặc biệt là Trung và Đông Âu. Đây là nơi hai siêu cường phải giải quyết trước để triệt tiêu hoàn toàn điểm nóng nguy hiểm nhất có thể gây thế chiến hạt nhân trực diện giữa hai

siêu cường. Như ta đã thấy, tình hình khu vực này đạt đỉnh cao căng thẳng nhất vào năm 1985 trước khi Gorbachev lên cầm quyền, với Pershing II của Mỹ đối đầu với SS20 của Nga ở ngay biên giới Đông-Tây Âu, cùng với chiến dịch tâm lý chiến tấn công Liên Xô do Mỹ phát động. Cuối cùng Gorbachev đã lên được và Liên Xô nhanh chóng thay đổi chính sách đối ngoại dẫn đến hội nghị Malta vào giữa năm 1989, tại đó hai siêu cường đã chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh và sự đối đầu giữa hai khối tư bản và cộng sản (sự lựa chọn đảo Malta có ý nghĩa biểu tượng so sánh với Yalta năm 1945). Kết quả đầu tiên của thỏa hiệp Malta là chỉ trong 6 tháng cuối cùng của năm 1989 toàn bộ Trung và Đông Âu thay đổi như vũ bão với sự “cho phép” của Nga, đôi khi với sự can thiệp trực tiếp như ở Đông Đức.

Những thay đổi ở khu vực này dẫn đến một quan hệ Đông-Tây Đức và Đông-Tây Âu hoàn toàn mới. Một nước Đức hoàn toàn thống nhất đã trông thấy vào cuối năm nay, và một Âu Châu hợp nhất là một điều có thể xảy ra trong nửa sau của thập niên này. Như thế, tới giữa năm 1990, và nhất là sau hai sự kiện quan trọng, một ở Đức và một ở Liên Xô, khu vực Âu Châu không còn là mối bận tâm của Mỹ và đồng minh nữa. Hai sự kiện đó là: việc thống nhất nước Đức, và Liên Xô hợp xong đại hội đảng cộng sản với thắng lợi hoàn toàn của Gorbachev. Sự ổn định nước Đức và sự ổn định Liên Xô đã ở trong tầm tay với những biến đổi chính trị và kinh tế làm nền tảng vững chắc lâu dài. Chính vào lúc đó, và chỉ sau khi đó, Mỹ mới có thể an tâm quay sang một khu vực khác mà tầm quan trọng chiến lược đối với hòa bình thế giới chỉ đứng sau Âu Châu và Trung Đông. Đó là khu vực Đông Dương và Đông Nam Á.

Mặc dù tầm quan trọng của khu vực này đã hiển nhiên, ở đây chúng ta cần lưu ý hai điểm. Trước hết, khu vực này có sự hiện diện của Trung quốc với tất cả những vấn đề phức tạp còn chưa được giải quyết. Và sau nữa, hầu hết các chuyên gia kinh tế thế giới đều tiên liệu thế kỷ XXI là thế kỷ của Châu Á-Thái Bình Dương. Do đó chúng ta cũng có thể dự liệu mà không sợ mấy sai lầm rằng thập niên 1990 là thập niên mà hai siêu cường cùng nhau giải quyết các vấn đề tồn tại trong khu vực Đông Dương và Đông Nam Á để tiến tới, vào nửa sau của thập niên “giải quyết” nốt vấn đề Trung Quốc. Mà để thật sự ổn định được khu vực này thì trước hết phải tạo ra sự biến đổi sâu sắc về đối nội và đối ngoại tại Việt Nam, rồi sau đó tại Trung Quốc. Đó là “chìa khóa” để ổn định Đông Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung, cũng như những biến đổi ở Liên Xô và Đông Âu là chìa khóa để ổn định khu vực Trung Âu và toàn bộ Âu Châu.

Như thế là chúng ta đã thấy rõ tại sao phải đợi tới nay ngoại trưởng Mỹ mới công bố thay đổi quan trọng trong chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Dương. Lời tuyên bố của ngoại trưởng Mỹ quan trọng vì chấm dứt một

vấn đề, ổn định Âu châu, và mở ra một vấn đề mới, ổn định Đông Dương và Đông Nam Á. Ở đây cần khai triển thêm một điểm nữa cho sáng tỏ: điều mà Mỹ và đồng minh sợ nhất cho tới nay là không biết ông Gorbachev có đứng vững được hay không, và phe bảo thủ và phe quân phiệt có lên cầm quyền lại ở Liên Xô hay không? Sau đại hội đảng Cộng sản Liên Xô vừa qua họ đã hoàn toàn yên tâm. Ông Gorbachev đã hoàn toàn thắng lợi, phe bảo thủ đã thất bại. Điều quan trọng hơn nữa là những nền tảng cho một Liên Xô mới đã được thiết lập. Với cơ cấu mới của Bộ Chính Trị đảng CS Liên Xô phe bảo thủ không thể khuynh loát được nữa. Cơ cấu đó tách đảng CS ra khỏi chính quyền, mở đường cho một chế độ dân chủ đa đảng, đồng thời mở đường cho một thể chế Liên Bang mới. Liên Bang Xô Viết cũ, với chế độ độc tài độc đảng, tất cả quyền lực tập trung trong tay một thiểu số tại Mascova, là một đe dọa lớn cho hòa bình ổn định của Âu Châu và toàn thế giới. Một Liên Xô mới, liên hiệp các quốc gia độc lập tự chủ trong một chế độ dân chủ tự do, sẽ là một nhân tố tích cực cho hòa bình ổn định của toàn vùng tây bắc bán cầu.

Như thế chỉ còn lại vùng đông bắc bán cầu với Trung quốc, trong thể chế chính trị hiện nay, vẫn là một đe dọa cho hòa bình ổn định cho Châu Á nói riêng và toàn thế giới nói chung. Nga-Mỹ đã thỏa thuận ổn định thế giới, tất phải hợp tác để “giải quyết” vấn đề Trung Quốc, tạo ra một nhân tố tích cực cho hoà bình ổn định tại châu Á. Mỗi nước tất nhiên sẽ áp dụng những sách lược và thủ thuật chính trị ngoại giao riêng, phù hợp với quan hệ riêng với Trung quốc. Nhưng cả hai đều nhằm chung một mục tiêu: làm cho Trung quốc biến đổi sang một thể chế chính trị và quốc gia thuận lợi cho việc ổn định châu Á, kể cả Bắc Á và Đông Nam Á. Chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được những gì đã, đang và sẽ xảy ra tại Trung quốc, Đông Dương, Cam Bốt và Việt Nam nếu chúng ta nắm được mục tiêu chiến lược chung này của hai siêu cường.

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược này Mỹ và đồng minh, cùng với sự hỗ trợ của Liên Xô, cũng như của các nước ASEAN, đã, đang và sẽ tiếp tục gây sức ép để thay đổi Trung quốc. Quan hệ mới của Mỹ với Trung quốc từ sau 1972, biến cố tháng 4-1975 tại miền nam Việt Nam, xung đột Việt-Trung và chiến tranh Cam Bốt –đó là toàn bộ bối cảnh của tiến trình thực hiện mục tiêu chiến lược của Mỹ trong khu vực này. Trong tiến trình đó, Đông Dương và Việt Nam đóng vai trò quan trọng. Vai trò của Việt Nam, nói vắn tắt, là giúp Mỹ tạm thời cầm chân Trung quốc trong khi Mỹ còn bận giải quyết tình hình tại khu vực Trung Âu. Mười lăm năm qua, CSVN đã đóng trọn vẹn vai trò đó, và trong khi đóng vai trò đó một cách bất đắc dĩ thì CSVN cũng bị “chảy máu” và tiêu hao, tiêu hao đến độ kiệt quệ, và cuối cùng, không có Mỹ không thể nào đứng dậy được. Đó là một sự thật trớ trêu và đau đớn đối với giới lãnh đạo CSVN. Nhưng ngày nay chính họ cũng đang

nhận ra được điều đó. Và khi họ đã nhận rõ thì cũng chính là lúc Mỹ rảnh tay ở Trung Âu và bắt đầu quay trở lại. Nhưng Mỹ quay trở lại không phải để cứu đảng CSVN mà để thực hiện nốt tiến trình ổn định khu vực này. Mà để ổn định thực sự khu vực này thì “đại bàng trường” Trung Quốc và “tiểu bàng trường” Việt Nam đều phải chấm dứt.

Chấm dứt tiểu bàng trường Việt Nam trước vì dễ hơn, đồng thời cũng cần tiếp tục “bít cửa” xuống phía nam của Trung quốc (phải chăng chính vì thế mà Trung quốc phải nhanh chóng thiết lập lại bang giao với Indonesia và Singapore ngay sau khi Mỹ thay đổi chính sách về Cam Bốt?). Một Đông Nam Á gồm cả Đông Dương tự do, dân chủ, hòa bình và phát triển là một áp lực mạnh mẽ vào nội địa Trung quốc (cũng như một Cam Bốt tự do trung lập là một áp lực mạnh mẽ vào “tiểu bá” Việt Nam cộng sản). Ba nước cộng sản nhỏ châu Á quanh Trung quốc là Mông Cổ, Bắc Hàn và Việt Nam. Mông Cổ đã thay đổi theo Liên Xô. Bắc Hàn đang cùng Nam Hàn thảo luận đi tới hòa bình thống nhất. Nếu giải quyết xong Đông Dương và Việt Nam thì Trung quốc hoàn toàn bị bao vây và cô lập. Và lúc đó những gì đã và đang chuẩn bị (Đài Loan mở rộng quan hệ với Trung quốc, Trung quốc mở cửa kinh tế, Tây phương áp lực tự do hóa, dân chủ hóa...) sẽ phát huy tác dụng và đạt thành quả nhanh chóng như ở Đông Âu. Đuôi là tiến trình “giải thể” Trung quốc để mở đường cho sự ra đời một liên bang Trung Hoa tự do dân chủ, trong đó công tồn các nhóm dân tộc Hán, Mãn, Mông, Hồi (Tân Cương), Tạng, Đài Loan, Chuang. Một liên bang Trung Hoa như thế sẽ là một nhân tố tích cực cho hòa bình ổn định tại Đông Bắc Á cũng như cho toàn bộ Á châu, và vùng đông bắc bán cầu.

Trong tiến trình thực hiện chiến lược đó tại châu Á, Căm Bốt và Việt Nam chỉ là mục tiêu chiến thuật. Cho nên vấn đề Căm Bốt phải được giải quyết như thế nào để Trung quốc, qua phe Pôn Pốt, không thể chiếm ưu thế tuyệt đối. Phe Hun Xen, được Việt Nam hỗ trợ, là một đối trọng cần thiết để cầm chân phe Pôn Pốt, do Trung quốc hỗ trợ; đồng thời, phe Pôn Pốt lại cầm chân, tiêu hao và làm tan rã mọi tiềm lực và uy tín của Cộng Sản Việt Nam. Trong khi đó phe Shihanouk và Son San ngày càng nổi bật lên như một thế trung hòa không thể thiếu cho tương lai hòa bình ổn định và trung lập ở Căm Bốt. Mười năm qua, bằng các thủ thuật quân sự và ngoại giao quốc tế, cộng với cầm vận kinh tế, Mỹ và đồng minh đã thành công trong việc dựng lên một thế cờ độc đáo ở Căm Bốt. Căm Bốt trở thành một trận địa tập trung để giải quyết trước hết vấn đề Việt Nam, và sau đó, vấn đề Trung quốc. Những thành quả của 10 năm qua nay đã chín muồi, cùng với sự ổn định tại Âu Châu. Nay đã đến lúc Mỹ quay trở lại để gặt hái kết quả đó.

Như thế Căm Bốt là chìa khóa để giải quyết vấn đề Việt Nam. Mỹ tất đã có những đường hướng và điều kiện để giải quyết vấn đề Căm Bốt cũng như

vấn đề Việt Nam. Điều quan trọng là Mỹ đã bắt đầu và chính thức nói chuyện với Việt Nam, tức là trực tiếp và chính thức đặt cho Việt Nam đường hướng và điều kiện đó. Và khi Mỹ đã quyết định trực tiếp nói chuyện với Việt Nam sau khi đã tham khảo ngoại trưởng Nga, thì chắc Mỹ đã nhận được những tín hiệu tích cực từ phía Liên Xô và Việt Nam. Riêng về phía Cộng sản Việt Nam hiện nay không còn lối thoát nào khác hơn là đi với Mỹ. Thân phận của cộng sản Việt Nam 15 năm qua hết sức trớ trêu. Ngay sau 1975, do áp lực của Mỹ (phủ quyết ý đồ lập hai nước Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc), cộng với sự phá hoại mạnh mẽ của Trung quốc, cộng sản Việt Nam đã phải chọn con đường độc đạo là theo Liên Xô chống lại Trung quốc, con đường mà chỉ 10 năm sau đã trở thành “tử lộ” (thành trì cộng sản quốc tế sụp đổ).

Ngày nay, từ trong tuyệt lộ đi tìm lối sinh lộ, lại chỉ còn có Mỹ. Nhưng Mỹ không quay trở lại để cứu cộng sản Việt Nam. Mỹ chỉ muốn hoàn tất việc ổn định một vị trí chiến lược quan trọng cho hòa bình phát triển của khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Ổn định để Mỹ có thể cùng Nga mau chóng giải giới khỏi khu vực này, đồng thời mở cửa cho thế giới đầu tư phát triển kinh tế Đông Dương, tạo thành một cửa ngõ phía nam dân chủ tự do và phú cường làm áp lực trực tiếp vào ngay nội địa Trung quốc. Trong đường hướng chiến lược đó, những điều kiện Mỹ đặt cho Việt Nam đã quá rõ: giải quyết nhanh chóng vấn đề Campuchia, tôn trọng nhân quyền và dân quyền, thiết lập chế độ tự do dân chủ, chấp nhận nền kinh tế thị trường.

Đó sẽ là những gì Mỹ nói với Việt Nam trong các cuộc đàm phán sắp tới. Vấn đề Campuchia chỉ là cái cớ, “miếng trầu làm đầu câu chuyện”, vì trong thực chất, mọi phe đã đồng ý hầu hết mọi việc chỉ còn lại vài tiểu tiết mà thôi. Nếu còn vấn đề gai góc nào thì chính lại là mối đe dọa chiến thắng của phe Pôn Pốt trên chiến trường. Do đó, đã đến lúc Mỹ phải “hỗ trợ” Việt Nam để duy trì được thế quân bình ở Campuchia cho một giải pháp chính trị dân chủ tự do và trung lập. Cho nên, dù vấn đề Campuchia sẽ nổi lên trong các cuộc đàm phán Việt-Mỹ, ngấm ngầm vẫn sẽ là vấn đề Việt Nam, với những điều kiện và chuyển biến mà Mỹ đòi hỏi để có thể tái lập bang giao trong tương lai. Việc bang giao không thể thực hiện được nếu không có những thay đổi sâu sắc tại Việt Nam. Mỹ phải nói chuyện ngay với Việt Nam về việc này để Việt Nam kịp thời chuẩn bị cho kỳ đại hội đảng vào giữa sang năm.

Tình hình kinh tế Việt Nam đã kiệt quệ đến mức khó thể chịu đựng lâu hơn được nữa. Sự trợ giúp của Liên Xô và Đông Âu không còn đáng kể nữa. Đầu tư quốc tế vẫn bế tắc vừa vì Mỹ chưa bật đèn xanh, vừa vì Việt Nam chưa có những thay đổi cần thiết để bảo đảm cho sự đầu tư đó. Trong khi đó, bất mãn trong đảng và chống đối ngoài đảng ngày một gia tăng cường độ. Đợt “ngăn chặn” (*) vừa qua chỉ là một liều thuốc giảm đau chốc lát để mua thêm thời gian chờ tìm phương thuốc chữa trị hữu hiệu. Nhưng thân được

hiện nay là gì nếu không phải là đi với Mỹ? Nhưng để đi được với Mỹ phải mau chóng giải quyết vấn đề Căm Bốt theo đường hướng của Mỹ, và phải mau chóng thay đổi chính trị và kinh tế trong nước. Vấn đề Căm Bốt phải được giải quyết vào cuối năm nay. Những thay đổi quan trọng về chính trị trong nước phải được thực hiện chậm nhất là vào cuối năm 1991. Chỉ có thế Việt Nam mới tìm thấy sinh lộ. Mà sinh lộ của dân tộc Việt Nam lại không phải là sinh lộ của đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng dù sao, diễn biến hòa bình (từ độc quyền tới chia quyền rồi tới mất quyền) cũng là một sinh lộ tạm thời và danh dự cho đảng Cộng sản Việt Nam vậy.

Việt Luận

Diễn Đàn Tự Do, 7/1990

Ghi chú:

(*) Đợt bắt giữ nhóm Nguyễn Hộ và bác sĩ Nguyễn Đan Quế.

Việt Luận là một bút hiệu khác tôi dùng trong *Diễn Đàn Tự Do*.

Bài trên đây được đăng lại trong cuốn sách:

Đoàn Viết Hoạt Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do. The case of Freedom Forum.
CA: Trăm Hoa, 1993, tr. 79-86

Chuyên Chính Vô Sản Và Năm Thành Phần Kinh tế

“Sự thay đổi từ chế độ tư bản sang chế độ cộng sản là một thời kỳ lịch sử lâu dài và đau đớn, và thích ứng với thời kỳ đó, về mặt chính trị, thì không thể có cái gì khác hơn là chuyên chính vô sản.”

Marx đưa ra kết luận như trên sau khi đã phân tích tỉ mỉ về tính chất bóc lột của kiểu kinh doanh sản xuất theo lối tư bản chủ nghĩa, tức là có thuê mướn nhân viên. Người chủ tư bản chỉ trả công ngang với một phần giá trị mà người làm công đã tạo ra trong quá trình lao động; cái phần còn lại gọi là “giá trị thặng dư” thì người chủ chiếm đoạt lấy cho mình và lại biến nó thành tư bản để mở rộng thêm việc kinh doanh nghĩa là thuê mướn nhân viên, lại chiếm đoạt lấy giá trị thặng dư, và cứ thế tiếp tục mãi... Nói tóm tắt, theo chủ nghĩa Mác có thuê mướn tức là có bóc lột. Vậy để xoá bỏ nạn người bóc lột người phải đập tan chế độ tư bản, xây dựng chế độ cộng sản (mà trong giai đoạn đầu gọi là xã hội chủ nghĩa) mà đặc trưng cơ bản của nó là tập trung mọi quyền tư hữu tư liệu sản xuất vào trong tay Nhà nước hay kém nhất cũng phải vào các hợp tác xã do Nhà nước quản lý, để cho không một kẻ tư bản nào còn có thể còn giữ được một điều kiện nhỏ nhoi nào dạng mà đi bóc lột kẻ khác qua thuê mướn. Và để thực hiện việc tập trung ấy cho thành công trước một bọn tư bản luôn luôn ngoan cố, luôn luôn phản động, thì phải tổ chức nền chuyên chính vô sản hết sức kiên cố với một đảng cộng sản hoàn toàn nắm giữ mọi quyền hành.

Tất cả các đảng CS cầm quyền trên thế giới đều nhân danh lý tưởng thực hiện công bằng xã hội như thế để dành cho mình độc quyền thống trị tất cả mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa tư tưởng – một chế độ toàn nhất triệt để. Điều đáng nói là ngay cả khi đã cầm quyền, đảng CS vẫn luôn luôn đòi phải “tăng cường sự lãnh đạo của đảng” (Thông Báo của Hội Nghị Trung ương 8, Khóa 6, đảng CSVN). Nhân danh sự tăng cường đó, một mặt đảng cộng sản ra sức bóp chết bất cứ một dấu hiệu nào đi ngoài khuôn khổ, mặt khác, bản thân đảng trở thành con bạch tuộc khổng lồ hút chặt tất cả đặc quyền đặc lợi để trở thành một giai cấp mới (Milovan Djilas).

Chỉ qua hai lần nhân danh như thế (nhân danh trong lý luận và nhân danh trong thực tế khi cầm quyền) lý tưởng công bằng xã hội đã tiêu tan ra

mây khói. Nhưng đó mới chỉ là một mặt của vấn đề. Chúng ta hãy xem mặt biến hóa khác của lịch sử phát triển nền chuyên chính vô sản.

Sau cuộc nội chiến, và ngay sau khi áp dụng thất bại cuộc cách mạng quan hệ sản xuất để thiết lập chế độ kinh tế công hữu hóa, Lê-nin, người trước đó đã hùng hồn tuyên bố: “Học thuyết về giá trị thặng dư là hòn đá tảng của học thuyết Mác”, lại phải “lùi bước” và cho ban hành chính sách kinh tế mới (NEP). Tên “Kinh tế mới” là cái gì? Ở nông thôn, nông dân không còn bị tịch thu hoa màu mà chỉ nộp thuế và giữ lại chỗ dôi ra. Ở thành thị ai có vốn được phép mở xí nghiệp, tức là được thuê mướn nhân công, tức là được chiếm lấy giá trị thặng dư, tức là được bóc lột! Chính quyền Xô Viết, chính quyền đã cực lực lên án chế độ tư bản bóc lột, giờ đây lại phải cho phép bóc lột. Nhưng chính quyền ấy vẫn dành độc quyền thống trị cho mình. Để làm gì? Thưa để xây dựng nền chuyên chính vô sản để trấn áp bọn tư bản đế quốc bóc lột !

Nói đến bóc lột cần phải nhắc lại luận điểm nổi tiếng và khá “phản động” của Lưu Thiệu Kỳ bên Trung quốc. Trước khi ông ta bị Mao tiêu diệt, Lưu rất có uy tín trong đảng Cộng sản Trung quốc. Ông ta đã viết một luận văn với tựa đề: “Bóc Lột Công Luận” (Luận về cái công của bóc lột) trong đó ông cho rằng nếu không có bóc lột thì không có tích lũy vốn để tái sản xuất, và đó chính là cái “công” của bóc lột. Luận điểm này thật chẳng Mác-xít chút nào nếu không muốn nói là phản Mác-xít. Và đó chính là lý do để ông ta bị Mao trừ khử. Nhưng luận điểm này không phải là hoàn toàn vô lý. Bằng chứng là Lê-nin đã phải trở lại với bóc lột, và ngày nay, từ Khrushchev tới Gorbachev, ngay cả Đặng Tiểu Bình, đệ tử ruột của Lưu, đã và đang phải vận dụng cái tác dụng tích cực của hầu hết những biện pháp quản lý kinh tế tư bản, trong đó có tích lũy tư nhân, cái giá trị thặng dư mà Mác cho là nguồn gốc của bóc lột.

Hơn 70 năm qua nền văn minh của loài người đã tiến những bước tiến không ai ngờ tới. Cùng với khoa học kỹ thuật, ý thức về tự do dân chủ cũng đã tiến bộ mạnh mẽ, tạo thành một động lực tiến hóa hùng hậu mâu thuẫn gay gắt với những chế độ độc tài đàn áp trí óc và thân thể con người dưới mọi hình thức và nhân danh bất cứ chiêu bài lý tưởng nào. Vì mâu thuẫn đó, cộng thêm với hậu quả tất nhiên của mâu thuẫn đó là sự trì trệ trong toàn bộ sinh hoạt xã hội, đặc biệt là trong hoạt động kinh tế, mà phần đất Đông Âu âm ỉ chuyển động, chỉ trong vòng mấy tháng đã đi tới kết quả hợp lòng người: độc tài đảng trị bị bãi bỏ, người dân có quyền tự do nói lên được ý kiến của mình, và cùng nhau quyết định vận mệnh xã hội bằng lá phiếu bình đẳng. Tất nhiên còn nhiều yếu tố khác tác động cũng mạnh mẽ không kém lên những chuyển động đó, trong đó phải kể sự hòa hoãn Nga-Mỹ, và sự thay đổi sách lược ngoại giao quốc tế của Nga. Nhưng chính cái mâu thuẫn căn bản nằm trong lý luận cũng như cơ chế chính trị xã hội của các nước cộng sản là nguyên nhân

chính và sâu sắc nhất đã nung nấu từ lâu, từ ngay sau khi cộng sản cướp được chính quyền, và chỉ chờ cơ hội thuận lợi là bùng phát lên và đạt những thành tựu tưởng như hết sức bất ngờ. Sự thành tựu nhanh chóng ở Đông Âu đã ảnh hưởng ngược lại Liên Xô và tại đây, dù muộn màng hơn, cuối cùng đã xóa bỏ điều 6 trong Hiến Pháp và từ bỏ độc quyền chính trị.

Hậu quả tất yếu là sự ra đời của nhiều nhóm và đảng phái chính trị mới (Mặt Trận Bình Dân, Liên Hiệp Dân Chủ, đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo, Liên Đoàn Công Nhân Mác Xít...). Trong tất cả các nước này, kể cả Liên Xô, một nền kinh tế thị trường tự do đang ra đời thay thế cho nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và công hữu hóa. Và như là một qui luật tất yếu, một nền chính trị phi chuyên chính vô sản, đa nguyên hóa cũng đang ra đời.

Trên thế giới còn lại một số nước cộng sản vẫn chưa chịu thay đổi: Trung Hoa, Việt Nam, Cuba, Bắc Hàn... Học thuyết Mác-Lê vẫn tiếp tục được dựng dậy như một kinh thánh biện minh cho chế độ độc đảng: “Chỉ người nào mở rộng việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến mức thừa nhận chuyên chính vô sản thì mới là người Mác Xít” (Lê-nin: Nhà Nước và Cách Mạng). “Đó là điều khác nhau sâu sắc nhất giữa người Mác-xít và người tiểu tư sản (và tư sản lớn) tầm thường” (Xã Hội và Cách Mạng). Thật là một điều trớ trêu và tức cười (một cách đầy si nhục và đau đớn) là các nước cộng sản Á Châu, vốn thoát thai chưa bao lâu từ thực dân phong kiến, nay lại trở lại “bảo hoàng hơn vua”. Trong khi ngay tại trung tâm cộng sản thế giới, căn bản lý luận cho nền chuyên chính vô sản và nền kinh tế cộng sản (tức giai cấp đấu tranh) đã không còn đứng vững nữa, và trong khi toàn thế giới đang chuyển biến theo một sự quan và một thế giới quan mới, thì các nước cộng sản chậm tiến còn phong kiến Á Châu lại lớn tiếng phê phán các nước đàn anh trước đây của mình là sai lầm nghiêm trọng, bỏ rơi mất lập trường cộng sản Mác-xít Lê-nin-nít chính thống, và bị bọn đế quốc phản động thao túng v.v... và v.v.... Nhưng trong khi cố “bảo hoàng hơn vua” để bảo vệ quyền thông trị của mình thì các đảng cộng sản này, đứng trước nguy cơ sụp đổ ngay về kinh tế, đã phải chấp nhận áp dụng các biện pháp kinh tế không hoàn toàn công hữu nữa. Và do đó mà nảy sinh mối mâu thuẫn không phương cứu chữa giữa chuyên chính vô sản và kinh tế nhiều thành phần.

Tại Việt Nam, khi mà đảng cộng sản đã phải chính thức công nhận nền kinh tế 5 thành phần (trong đó có thành phần kinh tế tư bản tư nhân) thì họ còn có cơ sở lý luận nào để tự tiếp tục cho phép độc quyền chính trị (và nhiều thứ độc quyền văn hóa xã hội khác nữa) ? Dân chúng nghĩ sao (và nhất là các đảng viên cộng sản nghĩ sao) khi mà giới cầm quyền công nhiên thừa nhận, và nhiều khi tán dương, một giai cấp mà theo đúng học thuyết Mác-Lê (“Học thuyết duy nhất chi phối sự phát triển của xã hội Việt Nam” (Hiến Pháp 1982)) thì đúng là một bọn hút máu mù của nhân dân? Tệ hơn nữa, Hiến

Pháp, luật pháp căn bản của một quốc gia, cơ sở pháp lý cho cả chế độ, chưa được sửa đổi để cho phép có một nền kinh tế đa nguyên, 5 thành phần, trong khi nền kinh tế đó đã được thực tế hoạt động. Cả trên cơ sở lý luận lẫn trên cơ sở pháp lý đều không còn được thực tế chứng minh nữa, thế mà chế độ vẫn ngang nhiên tồn tại, tồn tại trong sự chà đạp công lý, lòng người và cả những đồng chí lâu năm, uy tín, ở những cương vị lãnh đạo, của chính họ !

Mâu thuẫn không thể chối bỏ được giữa học thuyết chính trị hợp pháp và thực tiễn xã hội kinh tế, chính là nguồn gốc căn bản của mọi khó khăn trong công cuộc canh tân phát triển đất nước. Một mặt nhu cầu phát triển đòi hỏi phải có một chế độ kinh tế xã hội thật sự tự do, lẽ cố nhiên phải được điều tiết bằng pháp luật văn minh, mặt khác vấp phải một hệ thống cơ cấu và nhân sự cai trị vốn được đào tạo trong khuôn khổ của ý thức hệ chuyên chính vô sản Mác-Lê nên không sao thích ứng nổi với thế giới mới --từ tâm lý, nhận thức đến động thái, khả năng và cả lối tính toán quyền lợi riêng và chung...

Mối mâu thuẫn giữa căn bản lý luận và các biện pháp “cứu nguy” kinh tế thực tiễn đó chính là nguyên nhân sâu xa của tình trạng bế tắc và khủng hoảng hiện nay của các chế độ cộng sản bảo thủ như Việt Nam. Cụ thể, đó là mối mâu thuẫn giữa chế độ chính trị và văn hóa nhất nguyên, độc quyền, độc đảng với nền kinh tế đa nguyên, 5 thành phần. Theo đúng lý luận kinh tế Mác-xít thì kinh tế là hạ tầng cơ sở mà chính trị và văn hóa là thượng tầng kiến trúc. Chính vì lý luận như thế mà Mác đã dạy rằng về kinh tế phải làm cuộc cách mạng quan hệ sản xuất để triệt tiêu việc chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất, thiết lập chế độ kinh tế công hữu, mà trong bước đầu quá độ, còn hai thành phần kinh tế theo hình thức sở hữu xã hội là quốc doanh và tập thể, để sau sẽ tiến lên chỉ còn một hình thức sở hữu hoàn toàn xã hội là tập thể trong thời kỳ cộng sản. Song song với kinh tế, về chính trị, phải thiết lập chế độ chuyên chính vô sản, do đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo, trong thời kỳ quá độ xã hội chủ nghĩa, để sẽ tiến đến vô đảng (giải thể đảng cộng sản) và vô chính phủ (chính quyền tự tiêu vong) trong thời kỳ cộng sản. Đòu là lý luận, nghe khá hợp lý và hấp dẫn.

Trong thực tế, Lê-nin đã phải lùi bước với chính sách kinh tế mới, Khrushchev cũng phải lùi bước nữa với chính sách xét lại và tới nay Gorbachev đang “cải tổ” lại cả trên kinh tế lẫn trên chính trị, cả ở quốc nội lẫn ở quốc ngoại. Với ông Gorbachev thì thật không còn là “cải tổ” nữa mà là từ bỏ cả lý luận lẫn các biện pháp thực tế của cả ông Mác lẫn ông Lê. Trên chính trị đã chấp nhận đa nguyên đa đảng; trên kinh tế chấp nhận kinh tế thị trường. Và qui luật của ông Mác được dùng để đập lại chính các đệ tử trung thành nhất của ông: kinh tế quyết định chính trị và văn hóa tư tưởng. Lê-nin đã thất bại vì chỉ thay đổi trên kinh tế, Khrushchev cũng thế. Nay ông Gorbachev đang chấp nhận thay đổi cả hai, và tất nhiên ông ta cũng phải chấp nhận mọi

hậu quả tốt cũng như xấu cho đảng cộng sản và phong trào cách mạng thế giới, vì đó là qui luật cho chính những người Mác-xít. Nhưng có thể xấu cho cộng sản chứ không xấu cho tương lai nước Nga. Mà đúng hơn thì đó cũng là qui luật đương nhiên của đời sống xã hội. Chính trị, kinh tế và văn hóa có mối quan hệ hữu cơ và tương tác không thể tách rời nhau cũng như không thể mâu thuẫn nhau.

Chấp nhận thay đổi trên kinh tế, vì nếu không kinh tế không phát triển được. Không chịu thay đổi trên chính trị vì vẫn muốn duy trì độc quyền thống trị. Đó là “lô gích” của các nhà lãnh đạo Hà Nội hiện nay. Nhưng như thế vừa đi ngược qui luật lịch sử và xã hội, vừa không giải quyết tận căn bản và được bền vững những vấn đề kinh tế. Tức là chỉ hãm lại được đà phát triển của khủng hoảng chứ không thể thực sự khai thông được bế tắc. Vấn đề hiện nay của chế độ cộng sản tại Việt Nam cũng như toàn thế giới không phải là “cải tổ” hay “đổi mới” mà là từ bỏ toàn bộ lý luận cũng như phương pháp chính trị, kinh tế, văn hóa của Mác-Lê, là dân chủ hóa và tự do hóa toàn bộ và đồng loạt mọi sinh hoạt xã hội, từ chính trị tới kinh tế và văn hóa xã hội. Tự do hóa và dân chủ hóa toàn bộ và thực sự không có nghĩa là vô chính phủ, hỗn loạn. Dân chủ và tự do thực sự phải đi liền với, và chỉ có thể tồn tại được, bằng một nền pháp chế công minh, dân chủ và hữu hiệu. Nhưng dân chủ hóa, tự do hóa và pháp chế hóa thì ngược với chuyên chính vô sản, và chuyên chính vô sản thì lại không phù hợp với nền kinh tế đa nguyên nhiều thành phần. Mà bỏ vô sản thì không còn được độc quyền cai trị nữa, và tệ hơn nữa, không còn là cộng sản, vì như Mác đã dạy, trong thời kỳ chuyển tiếp lên cộng sản, “không thể có gì khác hơn là chuyên chính vô sản”.

Làm sao giải thông được “khổ nạn” này? Hy vọng vừa phát triển được kinh tế nhờ đa nguyên hóa lại vừa giữ được nền chuyên chính vô sản độc quyền chỉ là không tưởng vì ngược lại với chính lý luận Mác-xít. Chấp nhận đa nguyên hóa cả trên chính trị lẫn trên kinh tế thì phù hợp với biện chứng nhưng lại dẫn đến những hậu quả không mấy tốt đẹp gì cho đảng cộng sản như đang diễn ra ở các nước Đông Âu và ở chính Liên Xô. Chọn con đường nào? Vì sự tồn tại của đảng cộng sản hay vì sự phát triển của đất nước?

Với tâm thức chính trị của giới lãnh đạo già nua bảo thủ hiện nay ở Hà Nội thì chắc chắn Cộng sản Việt Nam chỉ có một con đường là duy trì bằng được độc quyền chính trị trong khi cố gắng đạt được những bước tiến từ từ với nền kinh tế 5 thành phần. Trong đó, người dân, bất kể độc quyền chính trị cộng sản, sẽ thừa cơ hội tiến lên mạnh mẽ về kinh tế, vận dụng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, và vận dụng cả những kẻ hờ và bế tắc của kinh tế quốc doanh để phát triển ngày một lần lướt kinh tế quốc doanh. Kinh tế đa nguyên hóa được chánh quyền cộng sản sử dụng như một biện pháp cứu nguy chế độ cộng sản (phải chăng vì thế chịu sửa Hiến Pháp để chấp nhận

kinh tế tư nhân?) nhưng đã và đang được quần chúng sử dụng như một biện pháp để phi quốc doanh hóa đời sống vật chất của xã hội để cứu nguy ngay cuộc sống hàng ngày của họ.

Cuộc đấu tranh gay gắt nhưng âm thầm, *phi chánh trị* này đang diễn ra hàng ngày ở khắp mọi nơi trong nước. Phi chánh trị nên chánh quyền cộng sản khó thể cấm đoán được và vì nó giúp cứu gỡ (dù tạm thời) đời sống vật chất của người dân nên chánh quyền cộng sản lại càng không dám ngăn chặn. Hậu quả đang dẫn đến là nguy cơ băng hoại của hệ thống quốc doanh, mà hệ thống kinh tế quốc doanh là cơ sở cuối cùng còn sót lại của nền chính trị chuyên chính vô sản. Hậu quả ấy tất yếu sẽ dẫn đến nguy cơ sụp đổ của thượng tầng kiến trúc là đảng cộng sản và chính quyền cộng sản. Cuối cùng, những nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam đang là nạn nhân của chính những biện pháp kinh tế đa nguyên “cứu nguy” của chính họ. Và kẻ thù đầu tiên hiện nay của họ lại chính là những đồng chí thân thiết trước đây của họ, những người tuân theo đúng qui luật, kinh tế hạ tầng quyết định chính trị thượng tầng, và do đó đang đòi đa nguyên hóa chính trị và văn hóa cho phù hợp với đa nguyên hóa kinh tế.

Đó là thực chất những gì đã, đang và sẽ xảy ra tại Việt Nam trong thời kỳ chuyển tiếp hiện nay từ chế độ cộng sản sang chế độ phi cộng sản sắp tới. Thời kỳ này có ba đặc điểm:

1. Đây là thời kỳ đấu tranh hòa bình bất bạo động giữa kinh tế và văn hóa đa nguyên của quần chúng với chính trị độc đảng nhất nguyên của đảng và chính quyền cộng sản, trong đó quần chúng ở thế tiến công mà đảng và chính quyền cộng sản ở thế phòng ngự.

2. *Cuộc đấu tranh phi chính trị với chính trị* ấy xạ chiếu vào nội bộ đảng cộng sản gây ra một cuộc tương tranh chính trị giữa bảo thủ và cấp tiến, trong đó cấp tiến ở thế tiến công và bảo thủ ở thế phòng ngự.

3. Kết quả cuối cùng của thời kỳ này là sự lớn dậy dần của các lực lượng chính trị tiến bộ phi cộng sản để mở ra thời kỳ hậu cộng sản. Các lực lượng này lớn dậy nhanh hay chậm, mạnh hay yếu, hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng vận dụng thời cơ và tập hợp lực lượng của chính những người yêu nước tiến bộ không cộng sản. Thời cơ đang mở ra hết sức tốt đẹp cho họ.

Cuộc tương tranh thâm lặng nhưng quyết liệt giữa quần chúng phi chính trị và chế độ chính trị chuyên chính cộng sản và cuộc tương tranh chính trị trong nội bộ đảng cộng sản hiện đang chuyển vào giai đoạn quyết định sau cùng. Hai cuộc tương tranh đó đang mở ra cơ hội và tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho sự xuất hiện các lực lượng chính trị tiến bộ không cộng sản. Đây không những là cơ hội mà còn là trách nhiệm của những người yêu nước. Vấn đề còn lại là họ có đủ sức đảm đương được trách nhiệm và vận dụng

được cơ may hết sức tốt đẹp đó để mở ra cho dân tộc một thời kỳ hưng thịnh mới hay không?

Tuệ Quang

5/90

(Bài này tác giả viết với sự góp ý của ĐPT, được đăng lại trong cuốn sách Đoàn Viết Hoat Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do, tr.87-94)